

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

Trang 1

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Thị	Nhân	LNH006863	2	27.00	3.5	30.50
2	Bùi Thị	Huệ	LNH003858	2	26.25	3.5	29.75
3	Bùi Thị	Ngân	LNH006492	2	26.25	3.5	29.75
4	Quàng Thị	Thanh	TTB005699	1	26.25	3.5	29.75
5	Trịnh Thị	Phượng	HDT020280	2	26.00	3.5	29.50
6	Đỗ Thị	Dung	DCN001673	2	26.00	3.5	29.50
7	Phạm Bá	Đạt	HDT005374	2	26.00	3.5	29.50
8	Triệu Linh	Đan	TND004771	1	26.00	3.5	29.50
9	Phạm Thị	Nga	HDT017497	2	25.75	3.5	29.25
10	Lường Văn	Đông	TTB001526	2	25.75	3.5	29.25
11	Ma Nhân Hoàng	Anh	TQU000098	2	25.75	3.5	29.25
12	Đàm Thị	Thiệp	TND023907	2	25.50	3.5	29.00
13	Bùi Thị	Nường	HDT019148	2	25.50	3.5	29.00
14	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005915	2	25.50	3.5	29.00
15	Nguyễn Hùng	Sơn	LNH007960	2	25.50	3.5	29.00
16	Tòng Thùy	Linh	TTB003584	2	25.50	3.5	29.00
17	Quách Thương	Hiệp	LNH003262	2	26.50	2.5	29.00
18	Hà Thị Hương	Thảo	KQH012547	2	25.50	3.5	29.00
19	Hà Thị	Chang	TND002060	2	25.50	3.5	29.00
20	Bàn Thị	Vân	TND029017	1	25.50	3.5	29.00
21	Hà Thị Hương	Nhi	THV009805	1	25.50	3.5	29.00
22	Chu Thị	Oanh	TND019256	1	25.50	3.5	29.00
23	Quan Thị Thu	Quỳnh	TQU004637	2	25.25	3.5	28.75
24	Nguyễn Thị	Nhung	LNH006991	2	25.25	3.5	28.75
25	Quan Thị	Nga	DCN007886	2	25.25	3.5	28.75
26	Ma Thị Thu	Uyên	KQH015950	2	25.25	3.5	28.75
27	Trần Thị	Hằng	TDV009422	2	27.25	1.5	28.75
28	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	2	25.25	3.5	28.75
29	Nguyễn Phương	Hoa	THV004749	2	27.25	1.5	28.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Bùi Kim	Ngân	LNH006487	2	25.25	3.5	28.75
31	Hoàng Thị Vân	Thư	TND025171	1	25.25	3.5	28.75
32	Nguyễn Ngọc	Chí	TND002333	2	25.00	3.5	28.50
33	Hoàng Thị	Nguyễn	TND018296	2	25.00	3.5	28.50
34	Nguyễn Thị Thu	Huệ	TQU002239	2	25.00	3.5	28.50
35	Dương Thị	Thư	TTB006434	2	27.00	1.5	28.50
36	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DHU011359	2	27.50	1.0	28.50
37	Lò Thị	Diện	TTB001037	2	25.00	3.5	28.50
38	Võ Thị	Huyền	TDV013985	2	27.00	1.5	28.50
39	Nguyễn Đàm Mai	Hương	TND011845	2	25.00	3.5	28.50
40	Nguyễn Thị Hiền	Châu	THV001226	2	27.00	1.5	28.50
41	Đặng Hồng	Minh	THV008679	2	25.00	3.5	28.50
42	Đinh Thị Bích	Đoan	TND005248	2	25.00	3.5	28.50
43	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001102	2	28.00	0.5	28.50
44	Nguyễn Hồng	Hạnh	TTB001934	2	27.00	1.5	28.50
45	Vừ A	Tủa	TTB007052	1	25.00	3.5	28.50
46	Bùi Thị	Giang	DCN002642	1	25.00	3.5	28.50
47	Huỳnh Thị Kim	Thúy	THV013125	2	26.75	1.5	28.25
48	Hoàng Thị Ngọc	Anh	THV000202	2	24.75	3.5	28.25
49	Nông Thị	Phượng	KQH010977	2	24.75	3.5	28.25
50	Lưu Thị	Mai	SPH010983	2	27.25	1.0	28.25
51	Hoàng Thị	Ly	TND015654	2	24.75	3.5	28.25
52	Lê Thị	Thế	TND023694	2	24.75	3.5	28.25
53	Quách Thanh	Thủy	LNH009237	2	24.75	3.5	28.25
54	Phan Đức	Quý	TND020712	2	24.75	3.5	28.25
55	Nông Thu	Trang	DCN011942	2	24.75	3.5	28.25
56	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	TND006904	1	24.75	3.5	28.25
57	Trịnh Thị Kim	Anh	KHA000716	1	26.25	2.0	28.25
58	Hoàng Thị Thu	Hương	TND011773	1	24.75	3.5	28.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Nguyễn Thị	Linh	DCN006410	1	24.75	3.5	28.25
60	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	3	26.50	1.5	28.00
61	Nguyễn Thị	Tâm	DCN009847	2	24.50	3.5	28.00
62	Đinh Phương	Thảo	TTB005848	2	26.50	1.5	28.00
63	Hoàng Thị Trà	My	TND016796	2	24.50	3.5	28.00
64	Bùi Thị	Phương	LNH007269	2	24.50	3.5	28.00
65	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	2	26.50	1.5	28.00
66	Hoàng Thị	Phượng	TQU004408	2	24.50	3.5	28.00
67	Hoàng Châu	Bình	TQU000365	2	26.50	1.5	28.00
68	Trần Thị	Lan	TDV015694	2	26.00	2.0	28.00
69	La Thị	Lệ	DCN006045	2	24.50	3.5	28.00
70	Hoàng Lệ Khánh	Linh	THV007389	2	24.50	3.5	28.00
71	Lê Thị Thúy	Huệ	TQU002229	2	26.50	1.5	28.00
72	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	2	26.50	1.5	28.00
73	Đoàn Thị Thùy	Linh	TND014118	2	26.50	1.5	28.00
74	Vì Thị Hà	Nam	TDV020247	2	24.50	3.5	28.00
75	Bùi Thị Như	ý	DHU027524	2	27.50	0.5	28.00
76	Nguyễn Thị Thùy	Dương	TTB001363	2	26.50	1.5	28.00
77	Nguyễn Thu	Hà	TQU001432	2	24.50	3.5	28.00
78	Trịnh Thị	Linh	TTB003597	2	26.50	1.5	28.00
79	Đàm Thị	Nhung	TND018794	2	24.50	3.5	28.00
80	Lương Thị	Bền	TDV002344	2	24.50	3.5	28.00
81	Ma Thị Tuyết	Nhung	DCN008405	2	24.50	3.5	28.00
82	Lê Thị Cẩm	Vân	TDV035760	2	26.00	2.0	28.00
83	Và A	Tủa	TTB007056	1	24.50	3.5	28.00
84	Vừ A	Dia	TTB001020	1	24.50	3.5	28.00
85	Cà Văn	Chung	TTB000727	1	24.50	3.5	28.00
86	Lý Thị Thanh	Huế	TND010084	1	24.50	3.5	28.00
87	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	TND003761	1	24.50	3.5	28.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Cà Thị	Quyên	TTB005107	1	24.50	3.5	28.00
89	Triệu Hồng	Nhung	THV009964	2	24.25	3.5	27.75
90	Vương Hồng	Huyền	THP006755	2	26.75	1.0	27.75
91	Lự Thị	Thúy	THV013127	2	24.25	3.5	27.75
92	Đàm Văn	Thực	TND025270	2	24.25	3.5	27.75
93	Giang Thị Hải	Lý	TND015796	2	27.25	0.5	27.75
94	Lục Thị Kiều	Trang	TQU005803	2	24.25	3.5	27.75
95	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003305	2	26.25	1.5	27.75
96	Hoàng Thị	Hà	DCN002833	2	24.25	3.5	27.75
97	Vũ Thị Huyền	Trang	TQU005926	2	26.25	1.5	27.75
98	Nguyễn Ngọc	Duyên	THP002592	2	26.75	1.0	27.75
99	Hoàng Thị	Thanh	HDT022547	2	26.25	1.5	27.75
100	Doãn Thị	Hồng	HDT010018	2	26.25	1.5	27.75
101	Nguyễn Thị	Hồng	TND009833	2	26.25	1.5	27.75
102	Lý Thị	Hồng	TQU002137	2	24.25	3.5	27.75
103	Nguyễn Lê Thu	Hà	LNH002503	2	24.25	3.5	27.75
104	Triệu Thị	Lấy	TND013609	2	24.25	3.5	27.75
105	Lý Thị	An	TND000038	2	24.25	3.5	27.75
106	Hoàng Thị	Trang	HDT026389	2	24.25	3.5	27.75
107	Hoàng Như	Quỳnh	THV011063	2	24.25	3.5	27.75
108	Lò Văn	Duyên	HDT004727	2	24.25	3.5	27.75
109	Đào Thị	Thúy	SPH016697	2	26.25	1.5	27.75
110	Đinh Thị	Thảo	TND022868	1	24.25	3.5	27.75
111	Lương Thị	Hiếu	DCN003882	1	24.25	3.5	27.75
112	Hà Thị Thu	Đẹp	TND005102	1	24.25	3.5	27.75
113	Nguyễn Khánh	Linh	THV007536	1	26.25	1.5	27.75
114	Bùi Thị	Thủy	LNH009166	1	24.25	3.5	27.75
115	Hà Thị	Hảo	TND007154	2	24.00	3.5	27.50
116	Lương Thị Hồng	Gấm	THV003168	2	24.00	3.5	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Phạm Thu	Phương	HDT020052	2	24.00	3.5	27.50
118	Nguyễn Thị	Thúy	THP014491	2	26.50	1.0	27.50
119	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029683	2	26.00	1.5	27.50
120	Lý Thái	Bảo	TND001546	2	24.00	3.5	27.50
121	Nguyễn Thị Thu	Phương	SPH013790	2	26.00	1.5	27.50
122	Lường Thị	Hằng	TTB002030	2	24.00	3.5	27.50
123	Lê Phương	Anh	HDT000573	2	26.00	1.5	27.50
124	Trần Thị Thanh	Lam	LNH004935	2	27.00	0.5	27.50
125	Lê Thị	Duyên	THP002581	2	27.00	0.5	27.50
126	Hà Thu	Hằng	TTB002005	2	24.00	3.5	27.50
127	Trần Thị Như	Quỳnh	TTB005235	2	26.00	1.5	27.50
128	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013732	2	27.00	0.5	27.50
129	Mã Thanh	Lâm	TND013503	2	24.00	3.5	27.50
130	Linh Thị Mai	Anh	TND000507	2	24.00	3.5	27.50
131	Hà Thị Bích	Thảo	TQU005042	2	24.00	3.5	27.50
132	Hoàng Thị	Phương	TDV023811	2	26.50	1.0	27.50
133	Đỗ Minh	Ngọc	THV009413	2	27.00	0.5	27.50
134	Nguyễn Thị	Phương	YTB017324	2	26.50	1.0	27.50
135	Vi Thị	Vân	TND029204	2	24.00	3.5	27.50
136	Lê Quốc	Hào	TDV008777	2	26.00	1.5	27.50
137	Nguyễn Thị Minh	Hân	TQU001669	2	26.00	1.5	27.50
138	Nguyễn Thị	Huế	TDV012434	2	26.00	1.5	27.50
139	Nguyễn Thị	Hồng	TTN007044	2	26.00	1.5	27.50
140	Lê Thị Kim	Ngọc	TTB004371	2	26.00	1.5	27.50
141	Hà Thị Ngọc	Linh	THV007366	2	24.00	3.5	27.50
142	Nguyễn Thị Thùy	Vân	SPH019288	2	27.00	0.5	27.50
143	Cao Thị Hồng	Phương	TDV024229	2	24.00	3.5	27.50
144	Hà Thị	Hương	HHA006747	1	24.00	3.5	27.50
145	Nông Thị	Loan	TND015028	1	24.00	3.5	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Quan Thủy	Ngân	TQU003830	1	24.00	3.5	27.50
147	Nông Thị	Quyên	TND020825	1	24.00	3.5	27.50
148	Hà Thị	Luyến	TQU003406	1	24.00	3.5	27.50
149	Phạm Mai	Thảo	TTB005925	1	26.00	1.5	27.50
150	Đoàn Văn	Tiếp	TQU005653	1	26.00	1.5	27.50
151	Nguyễn Thị Thu	An	TND000058	1	24.00	3.5	27.50
152	Nông Thị	Đào	TND004806	1	24.00	3.5	27.50
153	Vy Mỹ	Linh	TND014890	1	24.00	3.5	27.50
154	Hoàng Thị	Chiên	TQU000475	1	24.00	3.5	27.50
155	Trần Thị	Thủy	YTB021441	1	26.50	1.0	27.50
156	Bế Thị	Hường	TND012099	1	24.00	3.5	27.50
157	Hoàng Thùy	Dung	TND003697	1	24.00	3.5	27.50
158	Chu Thị	Duyên	TND004274	1	24.00	3.5	27.50
159	Ma Thị Thanh	Tâm	TND022075	2	23.75	3.5	27.25
160	La Thị	Dung	THV002048	2	23.75	3.5	27.25
161	Mã Thị	Thanh	SPH015271	2	23.75	3.5	27.25
162	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001786	2	26.75	0.5	27.25
163	Phạm Thu	Hảo	THP004409	2	26.75	0.5	27.25
164	Bùi Thị Hải	Linh	TDV016205	2	26.75	0.5	27.25
165	Nguyễn Thị	Hậu	SPH005805	2	26.75	0.5	27.25
166	Dương Thị Thục	Chinh	TND002475	2	23.75	3.5	27.25
167	Hoàng Hồng	Ngọc	THV009455	2	23.75	3.5	27.25
168	Nguyễn Tấn	Hòa	TQU001965	2	23.75	3.5	27.25
169	Lê Thị Huệ	Duyên	HDT004620	2	25.75	1.5	27.25
170	Ma Thị Thu	Hoài	TQU001996	2	23.75	3.5	27.25
171	Lù Thị	Tâm	DCN009835	2	23.75	3.5	27.25
172	Kim Thảo	Linh	TQU003121	2	23.75	3.5	27.25
173	Nguyễn Văn	Dương	TDV005627	2	26.25	1.0	27.25
174	Lê Thị	Hương	HDT012158	2	26.25	1.0	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Nông Văn	Quân	TQU004497	2	23.75	3.5	27.25
176	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013542	2	25.75	1.5	27.25
177	Vũ Thị Mai	Sao	THV011268	2	25.75	1.5	27.25
178	Hà Thị	Hằng	KQH004209	2	23.75	3.5	27.25
179	Nông Thị	Son	TND021467	2	23.75	3.5	27.25
180	Trần Phương	Anh	TTB000267	2	25.75	1.5	27.25
181	Nguyễn Thị	Anh	TND000706	2	25.75	1.5	27.25
182	Đào Thị Tú	Linh	THV007314	2	25.75	1.5	27.25
183	Lã Thị	Linh	YTB012556	2	25.75	1.5	27.25
184	Đặng Thị	Nga	TDV020349	2	25.75	1.5	27.25
185	Đinh Thị	Chinh	HDT002715	2	23.75	3.5	27.25
186	Lê Thị Minh	Thảo	TQU005062	2	25.75	1.5	27.25
187	Đỗ Thị Thái	Hà	HDT006565	2	26.25	1.0	27.25
188	Cao Thị Thu	Hoài	TND009065	1	25.75	1.5	27.25
189	Chờ Thị	Huyền	TND010935	1	23.75	3.5	27.25
190	Phùng Thị Kiều	Trình	HDT027446	1	25.75	1.5	27.25
191	Nguyễn Thị Hà	Thương	HDT025520	1	26.75	0.5	27.25
192	Nông Thị	Xâm	TND029728	1	23.75	3.5	27.25
193	Nguyễn Thị Thanh	Mai	KQH008813	1	23.75	3.5	27.25
194	Nguyễn Kim	Chi	THV001265	1	25.75	1.5	27.25
195	Ngô Duy Hồng	Quân	LNH007568	1	25.75	1.5	27.25
196	Vũ Thị Ngọc	ánh	TND001460	1	23.75	3.5	27.25
197	Nguyễn Thùy	Linh	DHU011394	1	25.75	1.5	27.25
198	Nông Thu	Hồng	TND009851	1	23.75	3.5	27.25
199	Nguyễn Thị	Quỳnh	DHU019103	1	24.75	2.5	27.25
200	Lý Thị Bích	Nguyệt	TND018376	1	23.75	3.5	27.25
201	Trần Thị	Luyến	TND015426	1	25.75	1.5	27.25
202	Hoàng Thu	Hoàn	TND009280	1	23.75	3.5	27.25
203	Hoàng Thu	Thảo	TQU005057	1	23.75	3.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	TDV007883	1	25.75	1.5	27.25
205	Nguyễn Duy	Tuấn	KQH015443	1	25.75	1.5	27.25
206	Phạm Thị Kiều	Linh	TQU003235	1	25.75	1.5	27.25
207	Hồ Văn	Trai	DHU024012	1	23.75	3.5	27.25
208	Hoàng Phương	Anh	SPH000401	1	26.75	0.5	27.25
209	Nguyễn Phương	Trang	THP015142	1	26.25	1.0	27.25
210	Đàm Thị	Thảo	KQH012532	1	23.75	3.5	27.25
211	Lò Thị	Quy	TND020656	1	23.75	3.5	27.25
212	Lục Thu	Hồng	TND009756	1	23.75	3.5	27.25
213	Nguyễn Thị	Lan	TND013328	1	25.75	1.5	27.25
214	Ngô Thanh	Huyền	TQU002449	2	23.50	3.5	27.00
215	Hoàng Thị	Ly	HDT015740	2	25.50	1.5	27.00
216	Nguyễn Ngọc	Lan	DCN005913	2	25.50	1.5	27.00
217	Nguyễn Đức	Thành	TQU004993	2	23.50	3.5	27.00
218	Phạm Thị	Hằng	HDT008053	2	26.00	1.0	27.00
219	Cà Thị	út	TTB007347	2	23.50	3.5	27.00
220	Lò Đức	Giang	TTB001642	2	23.50	3.5	27.00
221	Triệu Văn	Tuyền	TND028499	2	23.50	3.5	27.00
222	Đỗ Thị	Thoa	HDT024146	2	25.50	1.5	27.00
223	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	THP008419	2	26.00	1.0	27.00
224	Lương Văn	Qui	THV010880	2	23.50	3.5	27.00
225	Phạm Thị Linh	Trang	HDT027041	2	25.50	1.5	27.00
226	Đặng Thị	Liêm	KQH007587	2	23.50	3.5	27.00
227	Lô Thị ánh	Minh	TDV019267	2	23.50	3.5	27.00
228	Triệu Thị	Mây	TND016355	2	23.50	3.5	27.00
229	Hoàng Thị	Sa	THV011215	2	25.50	1.5	27.00
230	Nguyễn Hải	Lê	HDT013473	2	26.00	1.0	27.00
231	Đặng Thị	Tâm	TDV026932	2	25.50	1.5	27.00
232	Nông Phương	Thảo	TND023241	2	23.50	3.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Phạm Thị	Nga	THP010025	2	26.00	1.0	27.00
234	Đặng Thị	Hiền	TTB002121	2	25.50	1.5	27.00
235	Đặng Hiền	Thương	TND025302	2	25.50	1.5	27.00
236	Phạm Mai	Trang	TND026654	2	25.50	1.5	27.00
237	Bùi Thị Trà	My	TTB004084	2	25.50	1.5	27.00
238	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	HDT004666	2	25.50	1.5	27.00
239	Hoàng Thị Thuỷ	Tiên	HDT025655	2	24.50	2.5	27.00
240	Ma Thị	ánh	TQU000275	2	23.50	3.5	27.00
241	Bùi Thị Thương	Huyền	YTB009828	2	26.50	0.5	27.00
242	Trịnh Thị	Châm	TND002122	2	23.50	3.5	27.00
243	Lê Sỹ	Cường	HDT003300	2	26.00	1.0	27.00
244	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009233	2	26.50	0.5	27.00
245	Lương Thị	Vân	TND029086	2	23.50	3.5	27.00
246	Ngô Hồng	Hạnh	TND006956	2	23.50	3.5	27.00
247	Vũ Thị	Thành	BKA011812	2	26.00	1.0	27.00
248	Đinh Thùy	Linh	LNH005244	2	25.50	1.5	27.00
249	Đặng Thủy	Vân	THV015105	2	23.50	3.5	27.00
250	Chẫu Thị	Đẹp	KQH002942	2	23.50	3.5	27.00
251	Nguyễn Thị Vân	Anh	HDT001193	2	26.00	1.0	27.00
252	Đoàn Thị Phương	Trinh	TND026914	2	23.50	3.5	27.00
253	Vương Thị Tuyết	Trinh	KQH014933	2	26.50	0.5	27.00
254	Đỗ Thị	Uyên	KQH015939	2	26.50	0.5	27.00
255	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	2	23.50	3.5	27.00
256	Nguyễn Thị	Thắm	YTB020094	1	26.50	0.5	27.00
257	Lục Thị	Nhình	TND018730	1	23.50	3.5	27.00
258	Nguyễn Thị	Sang	THP012488	1	26.50	0.5	27.00
259	Nguyễn Thị Hồng	Lê	THV007092	1	25.50	1.5	27.00
260	Lường Thị	Hải	TTB001865	1	23.50	3.5	27.00
261	Chu Ngọc	Diệp	TND003446	1	23.50	3.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

Trang 10

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Lương Thị Phương	Thảo	THP013325	1	26.50	0.5	27.00
263	Nguyễn Thị	Hằng	TTB002038	1	25.50	1.5	27.00
264	Giàng A	Lào	TTB003340	1	23.50	3.5	27.00
265	Chầu Thị	Ninh	TQU004156	1	23.50	3.5	27.00
266	Hà Thị	Xuyến	TTB007651	1	23.50	3.5	27.00
267	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TTB002147	1	25.50	1.5	27.00
268	Trần Thị	Hằng	TQU001659	1	24.50	2.5	27.00
269	Trần Diệu	Linh	TTB003588	1	25.50	1.5	27.00
270	Hà Thị	Phương	LNH007300	1	23.50	3.5	27.00
271	Lang Thị	Trang	DCN011718	1	23.50	3.5	27.00
272	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	TND007570	1	23.50	3.5	27.00
273	Trần Thị Huyền	Trang	TQU005909	1	25.50	1.5	27.00
274	Dương Thị Lan	Anh	TND000157	1	25.50	1.5	27.00
275	Giàng A	Nù	TTB004657	1	23.50	3.5	27.00
276	Hà Thị Kim	Trang	LNH009705	1	23.50	3.5	27.00
277	Vương	Tin	THV013479	1	23.50	3.5	27.00
278	Lò Thị	Nhâu	TTB004534	1	23.50	3.5	27.00
279	Bùi Thị Lan	Anh	LNH000072	1	23.50	3.5	27.00
280	Hoàng Thị	Hằng	TND007295	1	23.50	3.5	27.00
281	Giàng Thị	Pằng	KQH010601	1	23.50	3.5	27.00
282	Trần Thu	Ngân	THV009292	1	25.50	1.5	27.00
283	Lò Thị	Thanh	TTB005671	1	23.50	3.5	27.00
284	Thên Mai	Ngọc	THV009576	1	23.50	3.5	27.00
285	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	TTB003869	1	25.50	1.5	27.00
286	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	1	26.50	0.5	27.00
287	Hoàng Thu	Hương	TND011776	1	23.50	3.5	27.00
288	Vì Thị Thúy	An	TTB000032	1	23.50	3.5	27.00
289	Bùi Thị Thu	Hà	TND006094	1	25.50	1.5	27.00
290	Trần Thị	Oanh	TDV023128	1	25.50	1.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Đậu Thị	Sương	TDV026500	3	25.75	1.0	26.75
292	Lê Thị	Phượng	HDT020198	2	25.75	1.0	26.75
293	Lê Thị Hoài	Thơ	DHU022300	2	25.25	1.5	26.75
294	Lềng Thị	Như	TQU004142	2	23.25	3.5	26.75
295	Hà Ngọc	Huyền	HDT011301	2	23.25	3.5	26.75
296	Phan Thị Thanh	Hải	TDV008370	2	25.25	1.5	26.75
297	Bùi Thị Thúy	Hiền	THV004244	2	25.25	1.5	26.75
298	Chu Thị	Thảo	TTB005838	2	23.25	3.5	26.75
299	Vũ Thuỷ	Tiên	THV013361	2	25.25	1.5	26.75
300	Tống Thị	Mai	HDT016152	2	25.25	1.5	26.75
301	Nguyễn Thu	Thảo	LNH008590	2	25.25	1.5	26.75
302	Phạm Thị	Thảo	YTB019918	2	26.25	0.5	26.75
303	Bùi Thị	Thủy	TDV030302	2	25.75	1.0	26.75
304	Lao Thị Hồng	Hoài	TND009109	2	23.25	3.5	26.75
305	Lao Thị Ngọc	ánh	TND001317	2	23.25	3.5	26.75
306	Hoàng Thị	Mai	TQU003506	2	23.25	3.5	26.75
307	Đào Thị Vân	Anh	TDV000349	2	26.25	0.5	26.75
308	Triệu Diễm	Quỳnh	THV011180	2	23.25	3.5	26.75
309	Lê Thị	Nhung	HDT018777	2	26.25	0.5	26.75
310	Phạm Việt	Trình	THP015567	2	26.25	0.5	26.75
311	Trương Thị Hồng	Vân	TDV035937	2	25.25	1.5	26.75
312	Nguyễn Thị	Gái	TDV007083	2	25.25	1.5	26.75
313	Bùi Thị Băng	Trình	LNH009970	2	23.25	3.5	26.75
314	Đào Anh	Dũng	THV002162	2	25.25	1.5	26.75
315	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	2	23.25	3.5	26.75
316	Nguyễn Thị Thùy	Dung	TQU000854	2	25.25	1.5	26.75
317	Bùi Thị	Hà	LNH002420	2	23.25	3.5	26.75
318	Triệu Thị Thanh	Viễn	DCN013068	2	23.25	3.5	26.75
319	Nguyễn Hải	Yến	TDV036957	2	25.25	1.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

Trang 12

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Trương Hải	Yến	TND030159	2	23.25	3.5	26.75
321	Nông Thị	Hạnh	SPH005412	1	24.75	2.0	26.75
322	Nguyễn Như	Quỳnh	TND021137	1	25.25	1.5	26.75
323	Nguyễn Thị Lệ	Thu	SPH016347	1	26.25	0.5	26.75
324	Lê Linh	Chi	SPH002364	1	26.25	0.5	26.75
325	Nguyễn Bá	Ngọc	THP010357	1	24.25	2.5	26.75
326	Cao Thị Hồng	Nhung	THV009837	1	25.25	1.5	26.75
327	Nguyễn Đình	Cảnh	HDT002326	1	25.75	1.0	26.75
328	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013721	1	26.25	0.5	26.75
329	Nguyễn Thị	Ngọc	KHA007270	1	25.75	1.0	26.75
330	Nguyễn Quỳnh	Lâm	SPH009178	1	25.75	1.0	26.75
331	Lương Thị Hồng	Nhung	TLA010512	1	25.75	1.0	26.75
332	Bùi Thị	Liên	LNH005108	1	23.25	3.5	26.75
333	Phạm Hồng	Sơn	HDT021848	1	25.25	1.5	26.75
334	Nguyễn Văn	Mạnh	SPH011175	1	26.25	0.5	26.75
335	Đào Thị	Hương	HDT011993	1	25.75	1.0	26.75
336	Lăng Thị	Hoài	TND009110	1	23.25	3.5	26.75
337	Lạc Thị	Mai	HHA008887	1	23.25	3.5	26.75
338	Nguyễn Khánh	Linh	YTB012675	1	25.25	1.5	26.75
339	Nguyễn Việt	Hà	THP003899	1	26.25	0.5	26.75
340	Nguyễn Thị	Vân	TDV035875	1	25.25	1.5	26.75
341	Phùng Thị	Quyên	TND020831	1	23.25	3.5	26.75
342	Nguyễn Thu	Trang	TQU005861	1	25.25	1.5	26.75
343	Nông Thị Xuân	Hòa	TQU001968	1	23.25	3.5	26.75
344	Đặng Thị Thu	Hằng	DCN003379	1	25.25	1.5	26.75
345	Bàn Thị	Tuyền	TQU006280	1	23.25	3.5	26.75
346	Nguyễn Thành	Trung	TND027181	1	23.25	3.5	26.75
347	Nguyễn Thị	Nga	HDT017467	1	25.75	1.0	26.75
348	Hồ Thị	ánh	TDV001687	1	25.25	1.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

Trang 13

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Ngô Thị	Hạnh	TND006962	1	25.75	1.0	26.75
350	Đàm Thị Huyền	Trân	TND026852	1	23.25	3.5	26.75
351	Bùi Chính	Nghĩa	LNH006547	1	23.25	3.5	26.75
352	Phan Thị Phương	Thảo	TDV028344	1	25.75	1.0	26.75
353	Hà ánh	Ngọc	THV009444	1	23.25	3.5	26.75
354	Màng Thị	Nhọn	TTB004558	1	23.25	3.5	26.75
355	Nguyễn Thu	Trang	KQH014676	1	26.25	0.5	26.75
356	Nghiêm Thị	Tam	THV011653	2	23.00	3.5	26.50
357	Lò Thị	Mừng	TTB004079	2	23.00	3.5	26.50
358	Bùi Thị Thúy	Quỳnh	TQU004582	2	25.00	1.5	26.50
359	Hoàng Thị Đình	Mỹ	HDT016855	2	25.00	1.5	26.50
360	Phà Thó	Xa	THV015435	2	23.00	3.5	26.50
361	Lại Thị	Minh	DCN007378	2	25.50	1.0	26.50
362	Đỗ Thùy	Trang	HHA014438	2	26.00	0.5	26.50
363	Trịnh Thị Như	Quỳnh	HDT021335	2	23.00	3.5	26.50
364	Lương Thị	Thảo	THV012200	2	23.00	3.5	26.50
365	Lò Thị	Tiêm	TTB006534	2	23.00	3.5	26.50
366	Lường Văn	Khiêm	LNH004811	2	23.00	3.5	26.50
367	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	TND018396	2	23.00	3.5	26.50
368	Quàng Văn	Dũng	TTB001248	2	23.00	3.5	26.50
369	Lê Thị Bích	Thảo	DCN010221	2	26.00	0.5	26.50
370	Lương Thị Lệ	Thu	THV012815	2	23.00	3.5	26.50
371	Lý Thị Thu	Huyền	TND011142	2	23.00	3.5	26.50
372	Lê Thị	Dung	HDT003866	2	25.50	1.0	26.50
373	Đỗ Mai	Hương	THP006938	2	26.00	0.5	26.50
374	Nguyễn Thị	Thanh	KQH012316	2	26.00	0.5	26.50
375	Nguyễn Thu	Thoàn	TQU005304	2	23.00	3.5	26.50
376	Đậu Thị Hà	Thu	HDT024340	2	25.50	1.0	26.50
377	Nguyễn Văn	Tân	THV011742	2	25.00	1.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

Trang 14

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003309	2	25.00	1.5	26.50
379	Nguyễn Thị Minh	Thư	TLA013516	2	26.00	0.5	26.50
380	Đinh Thị	Ngân	DCN007924	2	23.00	3.5	26.50
381	Lê Thị	Hằng	HDT007837	2	25.50	1.0	26.50
382	Lê Đình	Đạt	HDT005241	2	23.00	3.5	26.50
383	Đặng Bích	Phương	THV010388	2	25.00	1.5	26.50
384	Phạm Thị	Giang	HDT006412	2	25.50	1.0	26.50
385	Vũ Thị Thanh	Xuân	KQH016470	2	25.50	1.0	26.50
386	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028260	2	25.00	1.5	26.50
387	Đặng Thị	Bảy	THV000922	2	23.00	3.5	26.50
388	Phan Thị Thùy	Trang	TDV032871	2	25.00	1.5	26.50
389	Tô Thị Thu	Hà	TND006459	2	23.00	3.5	26.50
390	Vàng Thị	Cúc	THV001679	2	23.00	3.5	26.50
391	Nguyễn Thị Hằng	Nga	TDV020447	2	25.00	1.5	26.50
392	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HDT018040	2	25.00	1.5	26.50
393	Sầm Thị	Tuyền	TND028496	2	23.00	3.5	26.50
394	Hoàng Thị	Loan	TDV017523	2	25.50	1.0	26.50
395	Đinh Kiều	Oanh	TTB004677	2	23.00	3.5	26.50
396	Đường Thu	Quyên	TND020757	2	23.00	3.5	26.50
397	Trần Uyên	Chi	TDV003028	2	25.00	1.5	26.50
398	Hoàng Thu	Trang	TQU005797	2	23.00	3.5	26.50
399	Nguyễn Thị Yến	Nhi	TDV022187	2	26.00	0.5	26.50
400	Phạm Thị	Hương	THP007127	1	26.00	0.5	26.50
401	Trần Thị Phương	Hoa	LNH003464	1	25.00	1.5	26.50
402	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	HVN000521	1	25.50	1.0	26.50
403	Sáng Thị	Chính	TQU000537	1	23.00	3.5	26.50
404	Sùng Thị	Dợ	TQU000804	1	23.00	3.5	26.50
405	Lý Thị	Ghền	TND005756	1	23.00	3.5	26.50
406	Đào Thị	Yến	TND029935	1	25.00	1.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

Trang 15

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Dương Hồng	Sơn	TND021498	1	25.00	1.5	26.50
408	Nguyễn Thị Thùy	Linh	LNH005414	1	25.00	1.5	26.50
409	Hàn Thị Ngọc	Mai	KQH008728	1	23.00	3.5	26.50
410	Nguyễn Thùy	Linh	LNH005427	1	23.00	3.5	26.50
411	Triệu Thị	Thịnh	TQU005280	1	23.00	3.5	26.50
412	Thào A	Pó	TTB004987	1	23.00	3.5	26.50
413	Nông Thị Vân	Hoa	TND008828	1	23.00	3.5	26.50
414	Nguyễn Minh	Huyền	LNH004226	1	25.00	1.5	26.50
415	Vũ Thanh	Bình	KQH001152	1	26.00	0.5	26.50
416	Tạ Minh	Loan	THV007904	1	25.00	1.5	26.50
417	Nguyễn Nhật	Linh	SPH009836	1	26.00	0.5	26.50
418	Pờ Mé	Nu	TTB004653	1	23.00	3.5	26.50
419	Lường Thị	Thanh	TTB005681	1	23.00	3.5	26.50
420	Ngọ Thị Kim	Oanh	HDT019240	1	25.50	1.0	26.50
421	Lã Văn	Băng	DCN000946	1	25.50	1.0	26.50
422	Đàm Thị	Kiều	TND013050	1	23.00	3.5	26.50
423	Nguyễn Thị	Thuận	TND024540	1	25.00	1.5	26.50
424	Hoàng ánh	Nguyệt	TND018349	1	23.00	3.5	26.50
425	Vũ Thùy	Linh	YTB013205	1	24.50	2.0	26.50
426	Hoàng Thị Xuân	Quỳnh	SPH014470	1	26.00	0.5	26.50
427	Nguyễn Thị Thu	Thúy	TND025029	1	26.00	0.5	26.50
428	Nguyễn Thị Hà	Trang	HHA014603	1	23.00	3.5	26.50
429	Trần Thị Hà	Tiên	TTB006546	1	23.00	3.5	26.50
430	Triệu Thị Kim	Dung	SPH003113	1	25.00	1.5	26.50
431	Hà Thị	Bình	LNH000821	1	23.00	3.5	26.50
432	Lò Thị Tố	Uyên	TTB007359	1	23.00	3.5	26.50
433	Đặng Thị	Múi	TND016742	1	23.00	3.5	26.50
434	Mạc Quỳnh	Anh	THP000387	1	26.00	0.5	26.50
435	Trần Ngọc	Mai	TND016088	1	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

Trang 16

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Doãn Thị Thu	Hường	KQH006833	1	26.00	0.5	26.50
437	Vũ Lê	Hà	LNH002602	1	25.00	1.5	26.50
438	Nguyễn Thị	Hương	THV006207	1	23.00	3.5	26.50
439	Lương Thảo	Phượng	TND019873	1	23.00	3.5	26.50
440	Lò Trung	Thành	TTB005740	1	23.00	3.5	26.50
441	Bùi Thị Thanh	Tú	TDV034185	1	25.50	1.0	26.50
442	Hiệp Thị	Đoàn	DCN002433	1	23.00	3.5	26.50
443	Nông Thị	Hằng	TND007466	1	23.00	3.5	26.50
444	Đàm Thị Mỹ	Linh	KQH007744	1	23.00	3.5	26.50
445	Võ Khánh	Bách	TDV002024	1	25.00	1.5	26.50
446	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	SPH005672	1	26.00	0.5	26.50
447	Đặng Thị Minh	Ngọc	THP010306	1	26.00	0.5	26.50
448	Nguyễn Thị	Hiền	SPH005929	1	25.50	1.0	26.50
449	Lê Phương	Hiền	HVN003374	1	24.00	2.5	26.50
450	Lý A	Chó	TTB000675	1	23.00	3.5	26.50
451	Nguyễn Thị Như	Ngọc	LNH006706	1	23.00	3.5	26.50
452	Âu Thị	Sen	TQU004680	1	23.00	3.5	26.50
453	Trần Thị Thuỳ	Dương	THP002832	1	26.00	0.5	26.50
454	Hoàng Minh	Thành	DHU020770	1	25.00	1.5	26.50
455	Nguyễn Thị Thu	Ngoan	TND017827	1	25.00	1.5	26.50
456	Giàng Thị	Giông	TTB001689	1	23.00	3.5	26.50
457	Triệu Thị	Hằng	TND007506	1	23.00	3.5	26.50
458	Trần Thị	Hằng	HHA004440	1	23.00	3.5	26.50
459	Hoàng Thị	Lành	TND013442	1	23.00	3.5	26.50
460	Phạm Tân	Trang	TTB006818	1	25.00	1.5	26.50
461	Phan Mỹ	Hạnh	TQU001564	1	25.00	1.5	26.50
462	Nguyễn Thị Hà	Trang	LNH009779	1	23.00	3.5	26.50
463	Lò Thị	Hà	THV003489	1	23.00	3.5	26.50
464	Nguyễn Diệu	Linh	SPH009704	1	25.50	1.0	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

Trang 17

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Phạm Thị	Loan	YTB013323	3	25.25	1.0	26.25
466	Hoàng Thị Lan	Anh	TND000369	2	24.75	1.5	26.25
467	Lê Thúy	Nga	DHU013914	2	25.75	0.5	26.25
468	Lê Thị Hồng	Ngát	YTB015320	2	25.25	1.0	26.25
469	Lê Thị Thanh	Huyền	KQH006144	2	25.75	0.5	26.25
470	Hà Đình	Công	THV001592	2	22.75	3.5	26.25
471	Nguyễn Thị	Tình	HHA014236	2	25.25	1.0	26.25
472	Trần Thị Phương	Anh	HHA000947	2	24.75	1.5	26.25
473	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	YTB016406	2	25.25	1.0	26.25
474	Lương Thị	Bình	HDT002193	2	22.75	3.5	26.25
475	Đỗ Thị Thảo	Anh	YTB000268	2	25.75	0.5	26.25
476	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011476	2	25.25	1.0	26.25
477	Vũ Thị Bích	Châm	THP001451	2	25.75	0.5	26.25
478	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007420	2	24.75	1.5	26.25
479	Vũ Phương	Hoa	TQU001940	2	22.75	3.5	26.25
480	Lương ý	Dung	KQH002046	2	22.75	3.5	26.25
481	Vương Thị Linh	Chi	HDT002573	2	24.75	1.5	26.25
482	Lù Thị	Trang	THV013768	2	22.75	3.5	26.25
483	Đồng Mai	Phương	TND019770	2	22.75	3.5	26.25
484	Hoàng Thị Mai	Liều	TND013933	2	22.75	3.5	26.25
485	Đỗ Thị	Hoa	THV004702	2	24.75	1.5	26.25
486	Trần Thị	Hạnh	TDV008707	2	24.75	1.5	26.25
487	Lại Thị Bình	Huế	DHU007894	2	25.75	0.5	26.25
488	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	2	25.25	1.0	26.25
489	Hồ Thị	Mỹ	TDV019662	2	24.75	1.5	26.25
490	Lò Thị	Dung	THV002060	2	22.75	3.5	26.25
491	Đinh Thị Trang	Nhung	TDV022297	2	25.75	0.5	26.25
492	Vũ Thị	Hiền	THV004397	2	22.75	3.5	26.25
493	Lý Thị Tuyết	Nhung	THV009898	2	22.75	3.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

Trang 18

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Nguyễn Anh	Thư	TDV030836	2	25.25	1.0	26.25
495	Lê Thị	Hà	HDT006658	2	25.25	1.0	26.25
496	Đinh Hoàng	Mai	HDT015943	2	24.75	1.5	26.25
497	Đinh Thị	Hường	LNH004614	2	22.75	3.5	26.25
498	Nguyễn Nhật	Lệ	TND013711	2	24.75	1.5	26.25
499	Nguyễn Thị	Định	BKA003042	2	23.25	3.0	26.25
500	Đặng Thị Thanh	Hà	TND006161	2	22.75	3.5	26.25
501	Nguyễn Thị	Lành	TDV015733	2	24.75	1.5	26.25
502	Vi Thị	Thuyết	THV013199	2	22.75	3.5	26.25
503	Nguyễn Thị Mai	Hương	TDV014432	2	25.75	0.5	26.25
504	Đỗ Thuỳ	Duyên	TQU000975	2	22.75	3.5	26.25
505	Nguyễn Văn	Thiên	THP013793	2	25.25	1.0	26.25
506	Phan Thị	Thương	TDV031159	2	24.75	1.5	26.25
507	Lê Thị Khánh	Ly	TDV018286	2	25.75	0.5	26.25
508	Lê Thị Bình	Tiên	TDV031309	2	24.75	1.5	26.25
509	Hoàng Thị	Lực	KQH008501	2	22.75	3.5	26.25
510	Lã Thị	Thanh	TQU004948	2	24.75	1.5	26.25
511	Hoàng Thị	Hồng	TLA005694	2	25.75	0.5	26.25
512	Nhữ Thị Ngọc	ánh	TLA001473	2	25.75	0.5	26.25
513	Hoàng Thị	Duyên	TND004302	2	22.75	3.5	26.25
514	Lê Thị	Hiền	TDV009806	2	24.75	1.5	26.25
515	Nguyễn Thị	Hồng	TND009799	2	24.75	1.5	26.25
516	Nguyễn Thị	Hằng	TDV009221	2	24.75	1.5	26.25
517	Bùi Ngọc	Trang	HDT026165	1	25.25	1.0	26.25
518	Phạm Thị	Hạnh	HDT007593	1	24.75	1.5	26.25
519	Nguyễn Thị	Anh	KQH000429	1	24.75	1.5	26.25
520	Dương Thị Bích	Phượng	THV010603	1	24.75	1.5	26.25
521	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	TND002165	1	25.75	0.5	26.25
522	Phạm Thị Minh	Loan	TDV017587	1	25.25	1.0	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Trịnh Thị Thùy	Dung	HDT004087	1	25.25	1.0	26.25
524	Hoàng Thị	Phấn	TND019451	1	22.75	3.5	26.25
525	Hoàng Thị	Len	TND013612	1	22.75	3.5	26.25
526	Bùi Thị	Thơm	TDV029641	1	24.75	1.5	26.25
527	Nguyễn Ngọc	Bích	SPH002019	1	25.75	0.5	26.25
528	Trần Thị Thanh	Bình	KQH001148	1	25.25	1.0	26.25
529	Phạm Văn	Thảo	TND023293	1	24.75	1.5	26.25
530	Nông Thị	Thơm	TQU005337	1	22.75	3.5	26.25
531	Lê Thị Hồng	Hạnh	TTB001925	1	24.75	1.5	26.25
532	Nguyễn Thị Lan	Hương	SPH008370	1	25.75	0.5	26.25
533	Thào A	Chứ	TTB000795	1	22.75	3.5	26.25
534	Nguyễn Thị Kiều	Trang	DCN011807	1	25.75	0.5	26.25
535	Trương Thị ánh	Tuyết	HDT029143	1	22.75	3.5	26.25
536	Nông Thị	Nguyệt	TQU004013	1	22.75	3.5	26.25
537	Cao Thị	Giang	SPH004446	1	25.75	0.5	26.25
538	Hoàng Thị	Sen	TND021390	1	22.75	3.5	26.25
539	Bùi Thị Tuyết	Chinh	SPH002526	1	25.75	0.5	26.25
540	Bùi Thị	Phương	TND019724	1	22.75	3.5	26.25
541	Nguyễn Thị	Dịu	THP002119	1	25.75	0.5	26.25
542	Nguyễn Ngân	Hồng	TQU002144	1	22.75	3.5	26.25
543	Lương Thị	Yến	TND030011	1	22.75	3.5	26.25
544	Trần Thị Hồng	Vinh	TDV036256	1	24.75	1.5	26.25
545	Hà Thị Kim	Liên	HDT013607	1	22.75	3.5	26.25
546	Lê Thị Hồng	Vân	HDT029506	1	25.75	0.5	26.25
547	Triệu Thùy	Linh	TND014764	1	22.75	3.5	26.25
548	Phạm Thị	ánh	TDV001877	1	24.75	1.5	26.25
549	Vương Quốc	Nam	THP009905	1	25.25	1.0	26.25
550	Nguyễn Văn	Tùng	TLA015205	1	26.25		26.25
551	Triệu Thị	Hương	TND012035	1	22.75	3.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

Trang 20

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Lương Thị Huyền	Trang	DCN011740	1	22.75	3.5	26.25
553	Nguyễn Thị	Trang	HDT026941	1	25.25	1.0	26.25
554	Nông Thị Thiên	Trang	TND026627	1	22.75	3.5	26.25
555	Nông Thị	Mến	TQU003587	1	22.75	3.5	26.25
556	Hà Thị	Quỳnh	TND021038	1	22.75	3.5	26.25
557	Triệu Thị	Thùy	KQH013612	1	22.75	3.5	26.25
558	Hoàng Thị	Vân	HDT029488	1	25.25	1.0	26.25
559	Nguyễn Trang	Ly	TQU003480	1	24.75	1.5	26.25
560	Tô Thúy	Hằng	TLA004679	1	26.25		26.25
561	Dương Thị Hồng	Nhung	SPH013023	1	25.75	0.5	26.25
562	Vừ Seo	Hòa	THV004876	1	22.75	3.5	26.25
563	Nguyễn Thị	Giang	TDV007288	1	24.75	1.5	26.25
564	Phạm Thị Thu	Thủy	DCN011084	1	25.75	0.5	26.25
565	Nguyễn Thị Thanh	Hải	TND006710	1	24.75	1.5	26.25
566	Chu Thị	Hương	TDV014213	2	24.50	1.5	26.00
567	Hoàng Thị	Ninh	TND019159	2	22.50	3.5	26.00
568	Nguyễn Bích	Hòa	TTB002379	2	24.50	1.5	26.00
569	Võ Thị Tuyết	Mây	TDV019139	2	24.50	1.5	26.00
570	Lê Thị	Loan	HDT015087	2	24.50	1.5	26.00
571	Nguyễn Thị	Trang	HDT026850	2	25.00	1.0	26.00
572	Dương Thùy	Linh	SPH009423	2	24.50	1.5	26.00
573	Phạm Thị Kiều	Dung	DHU002905	2	24.50	1.5	26.00
574	Nguyễn Thu	Trang	HDT026991	2	22.50	3.5	26.00
575	Nguyễn Mạnh	Linh	SPH009822	2	25.00	1.0	26.00
576	Trần Thị Thanh	Mai	THP009299	2	25.50	0.5	26.00
577	Phàn Thị	Mấy	TQU003576	2	22.50	3.5	26.00
578	Nguyễn Thị Hương	Lan	THV006923	2	22.50	3.5	26.00
579	Lê Phùng Thùy	Dương	TTB001343	2	24.50	1.5	26.00
580	Đào Thùy	Trang	TQU005766	2	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Vi Thị Thảo	Ly	TND015781	2	22.50	3.5	26.00
582	Chu Thị	Ngọc	YTB015579	2	25.00	1.0	26.00
583	Lê Thị Minh	Thu	TQU005354	2	24.50	1.5	26.00
584	Nguyễn Thị	Thuận	TDV030027	2	25.00	1.0	26.00
585	Hoàng Thị	Tấm	TND022175	2	22.50	3.5	26.00
586	Đồng Thị Ngọc	Thơ	KQH013257	2	22.50	3.5	26.00
587	Nguyễn Thị	Quỳnh	TDV025522	2	25.00	1.0	26.00
588	Nông Thị Mai	Trang	TND026625	2	22.50	3.5	26.00
589	Nguyễn Bích	Ngọc	TQU003919	2	24.50	1.5	26.00
590	Nguyễn Thị	Nhàn	THP010708	2	25.00	1.0	26.00
591	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	2	25.00	1.0	26.00
592	Mai Thị Thanh	Hà	TQU001412	2	24.50	1.5	26.00
593	Bùi Thị	Mến	HDT016401	2	22.50	3.5	26.00
594	Dương Thị Quỳnh	Trang	TDV032074	2	24.50	1.5	26.00
595	Phạm Thị	Linh	KQH008053	2	25.50	0.5	26.00
596	Nguyễn Thị	Vân	TDV035844	2	24.50	1.5	26.00
597	Trần Thị	Trang	TDV033109	2	24.50	1.5	26.00
598	Triệu Tồn	Man	DCN007229	2	22.50	3.5	26.00
599	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029704	2	24.50	1.5	26.00
600	Nguyễn Thị	Huệ	HDT010545	2	25.00	1.0	26.00
601	Phạm Lâm	Oanh	LNH007144	2	24.50	1.5	26.00
602	Đỗ Thị	Duyên	KQH002424	2	25.50	0.5	26.00
603	Hoàng Thị	Trang	TQU005793	2	22.50	3.5	26.00
604	Lê Thị	Hạnh	HDT007502	2	23.50	2.5	26.00
605	Hà Kim	Oanh	TTB004678	2	24.50	1.5	26.00
606	Nguyễn Văn	Thành	THV012023	2	24.50	1.5	26.00
607	Dương Thị	Dung	SPH002980	2	25.50	0.5	26.00
608	Nguyễn Thị Anh	Thư	TTB006447	2	24.50	1.5	26.00
609	Hoàng Thị	Hoa	THP005281	2	25.00	1.0	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Lê Thị	Ninh	HDT019102	2	25.00	1.0	26.00
611	Trần Mạnh	Cường	TDV004078	2	24.50	1.5	26.00
612	Phạm Thị	Huyền	HDT011613	2	25.00	1.0	26.00
613	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	SPH013096	1	25.50	0.5	26.00
614	Xin Thị	Liên	TQU003047	1	22.50	3.5	26.00
615	Sùng A	Pênh	TTB004732	1	22.50	3.5	26.00
616	Nguyễn Thị Thu	Trang	SPH017627	1	25.00	1.0	26.00
617	Trần Thị	Anh	THP000856	1	25.00	1.0	26.00
618	Đỗ Thị	Giang	SPH004466	1	25.00	1.0	26.00
619	Nguyễn Thu	Quỳnh	TND021203	1	24.50	1.5	26.00
620	Trần Minh	Quang	THV010774	1	24.50	1.5	26.00
621	Mạc Thị	Hiến	TND008102	1	22.50	3.5	26.00
622	Đào Thị	Yến	KQH016529	1	25.00	1.0	26.00
623	Phạm Thị	Loan	TDV017581	1	24.50	1.5	26.00
624	Bùi Thị Hoài	My	LNH006223	1	22.50	3.5	26.00
625	Bàn Thị	Hường	TND012100	1	22.50	3.5	26.00
626	Phùng Thị	Quý	THV010911	1	22.50	3.5	26.00
627	Vàng Thị	ánh	TTB000324	1	22.50	3.5	26.00
628	Vũ Thị Yến	Nhi	THP010824	1	25.50	0.5	26.00
629	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010122	1	25.50	0.5	26.00
630	Vũ Thị ánh	Tuyết	THP016392	1	25.50	0.5	26.00
631	Mai Huệ	An	HDT000054	1	25.00	1.0	26.00
632	Đỗ Ngọc	Anh	TND000176	1	24.50	1.5	26.00
633	Nguyễn Thị	Huệ	TND010236	1	22.50	3.5	26.00
634	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	TTN013748	1	24.50	1.5	26.00
635	Hoàng Thị Linh	Chi	TND002230	1	22.50	3.5	26.00
636	Ngô Thu	Hiền	TQU001718	1	24.50	1.5	26.00
637	Diệp Thị	Thiện	SPH016090	1	22.50	3.5	26.00
638	Lê Thị Mai	Hương	DQN009066	1	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Trần Thị	Nga	HDT017531	1	25.00	1.0	26.00
640	Dương Thị	Huyền	TQU002411	1	22.50	3.5	26.00
641	Nông Văn	Nam	TTB004168	1	22.50	3.5	26.00
642	Nguyễn Thị Tú	Anh	TTB000196	1	24.50	1.5	26.00
643	Hoàng Thị Thu	Hiền	TND007830	1	22.50	3.5	26.00
644	Nguyễn Minh	Huyền	TDV013506	1	25.50	0.5	26.00
645	Hoàng Thị	Loan	TND014960	1	25.00	1.0	26.00
646	Vũ Thị	Phượng	YTB017528	1	25.00	1.0	26.00
647	Nguyễn Thị Thắng	Hà	THV003533	1	24.50	1.5	26.00
648	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	1	25.00	1.0	26.00
649	Nguyễn Thị	Hằng	HDT008001	1	24.50	1.5	26.00
650	Đỗ Thu	Nga	HHA009697	1	24.50	1.5	26.00
651	Vi Thu	Hiền	TND008043	1	22.50	3.5	26.00
652	Nguyễn Thị Thu	Hương	YTB010788	1	25.00	1.0	26.00
653	Lộc Thị	Sao	TND021362	1	22.50	3.5	26.00
654	Tòng Thị	Nguyên	TTB004453	1	22.50	3.5	26.00
655	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	LNH002792	1	24.50	1.5	26.00
656	Phạm Thị	Hạnh	HDT007597	1	24.50	1.5	26.00
657	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010126	1	25.50	0.5	26.00
658	Phạm Hồng	Nhung	TND019005	1	24.50	1.5	26.00
659	Y Hoàng	Miô	TTN006948	1	22.50	3.5	26.00
660	Lê Thị	Thư	THV013212	1	22.50	3.5	26.00
661	Vũ Thị Minh	Nguyệt	TQU004022	1	24.50	1.5	26.00
662	Triệu Thị Thu	Hường	TND012247	1	22.50	3.5	26.00
663	Nguyễn Lưu	Ly	TQU003474	1	24.50	1.5	26.00
664	Nguyễn Đức	Công	LNH001193	1	25.50	0.5	26.00
665	Hoàng Đình	Tuấn	BKA014247	1	25.50	0.5	26.00
666	Trần Hương	Giang	TND006025	1	24.50	1.5	26.00
667	Trần Thị Thu	Thuỷ	THV012932	1	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

Trang 24

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Trương Thị Thu	Trang	SPH017853	1	25.00	1.0	26.00
669	Vũ Thị Kiều	Anh	LNH000596	2	22.25	3.5	25.75
670	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	HHA014927	2	25.75		25.75
671	Tạ Trần Thu	Hiền	TQU001742	2	24.25	1.5	25.75
672	Lê Thị Thanh	Thảo	THP013315	2	24.75	1.0	25.75
673	Trần Anh	Tuấn	TND028015	2	24.25	1.5	25.75
674	Nguyễn Thị	Thạch	KQH012186	2	25.25	0.5	25.75
675	Lê Thị	Dung	HDT003842	2	24.75	1.0	25.75
676	Hà Hoàng	Mai	TND015906	2	22.25	3.5	25.75
677	Phùng Thị Thu	Huế	TND010121	2	22.25	3.5	25.75
678	Đinh Thị Ngọc	Hà	TND006154	2	22.25	3.5	25.75
679	Đinh Xuân Lâm	Anh	TDV022809	2	24.75	1.0	25.75
680	Lưu Thị Thúy	Huyền	TQU002443	2	22.25	3.5	25.75
681	Bùi Thị	Ngân	HDT017604	2	24.75	1.0	25.75
682	Bế Thị Lệ	Thủy	TND024753	2	22.25	3.5	25.75
683	Lâm Thị	Trang	TND026235	2	22.25	3.5	25.75
684	Triệu Anh	Quân	TQU004502	2	22.25	3.5	25.75
685	Lê Thị Phương	Mai	TQU003510	2	24.25	1.5	25.75
686	Hoàng Thuý	Kiều	TND013066	2	22.25	3.5	25.75
687	Hoàng Lưu	Ly	TQU003457	2	24.25	1.5	25.75
688	Nguyễn Thị	Hương	TDV014409	2	24.25	1.5	25.75
689	Trịnh Thị	Phượng	HDT020281	2	22.25	3.5	25.75
690	Nguyễn Khánh	Linh	SPH009786	1	25.25	0.5	25.75
691	Lý Kiều	Oanh	TQU004198	1	22.25	3.5	25.75
692	Hoàng Thị Bình	Minh	TND016493	1	22.25	3.5	25.75
693	Đặng Thị	Thủy	TQU005452	1	22.25	3.5	25.75
694	Phạm Thị Thanh	Dung	DCN001758	1	24.75	1.0	25.75
695	Nông Trường	Giang	THV003334	1	22.25	3.5	25.75
696	Nguyễn Thị	Nhung	TDV022491	1	24.25	1.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Hoàng Thảo	Linh	SPH009554	1	24.25	1.5	25.75
698	Nguyễn Thị	Hương	TDV014416	1	24.75	1.0	25.75
699	Triệu Thị	Viên	TND029263	1	22.25	3.5	25.75
700	Lưu Thị	Chuyên	TQU000580	1	22.25	3.5	25.75
701	Lý Thị Thúy	Hường	TND012163	1	22.25	3.5	25.75
702	Chăng Kiều	Hoài	TQU001983	1	22.25	3.5	25.75
703	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	HDT025673	1	25.25	0.5	25.75
704	Nguyễn Huy	Khánh	THV006575	1	25.25	0.5	25.75
705	Hà Quốc	Chuyển	TND002750	1	22.25	3.5	25.75
706	Nguyễn Thị Dương	Duyên	TND004365	1	24.25	1.5	25.75
707	Đoàn Thị	Hương	DHU009151	1	24.25	1.5	25.75
708	Vàng Quảng	Dín	THV001959	1	22.25	3.5	25.75
709	Vi Thị	Thuận	HDT024661	1	22.25	3.5	25.75
710	Lê Ngọc	Linh	TND014252	1	24.25	1.5	25.75
711	Triệu Thị	Nam	DCN007756	1	22.25	3.5	25.75
712	Hà Thị Kim	Chanh	TND002080	1	24.25	1.5	25.75
713	Nguyễn Thị	Thơm	TND024265	1	24.75	1.0	25.75
714	Vi Thị	Hồng	TND009891	2	22.00	3.5	25.50
715	Nguyễn Thị Ly	Ly	TDV018365	2	22.00	3.5	25.50
716	Chế Thị	Nhung	TDV022280	2	25.00	0.5	25.50
717	Bùi Ngọc	Lan	LNH004941	2	22.00	3.5	25.50
718	Hà Thị Thùy	Viên	THV015191	2	22.00	3.5	25.50
719	Lê Như	Quỳnh	HDT021025	2	24.50	1.0	25.50
720	La Thị Ngọc	Châm	TND002101	2	22.00	3.5	25.50
721	Lê Thị	Loan	HDT015081	2	24.00	1.5	25.50
722	Tần Thị	Thảo	THV012338	2	22.00	3.5	25.50
723	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010125	2	24.50	1.0	25.50
724	Lò Văn	Thêm	TTB006079	2	22.00	3.5	25.50
725	Trương Thị Thu	Huyền	TQU002517	2	23.00	2.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Bùi Thúy	Phương	TND019710	2	22.00	3.5	25.50
727	Phương Thị	Hảo	TND007201	2	22.00	3.5	25.50
728	Hứa Thị	Kiều	TND013056	2	22.00	3.5	25.50
729	Nguyễn Ngọc	Linh	LNH005340	2	24.00	1.5	25.50
730	Nguyễn Thùy	Trang	THV013923	2	24.50	1.0	25.50
731	Nông Thị	Phượng	TND020262	2	22.00	3.5	25.50
732	Lã Thị Diệu	Linh	LNH005291	2	24.00	1.5	25.50
733	Hoàng Thị	Phùng	TQU004283	2	22.00	3.5	25.50
734	Trần Thị	Liên	TQU003045	2	24.00	1.5	25.50
735	Trần Thị	Huyền	TND011376	2	22.00	3.5	25.50
736	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	HDT018427	2	24.00	1.5	25.50
737	Nguyễn Thị	Hoa	YTB008243	1	24.50	1.0	25.50
738	Lưu Thị	Phương	TDV023882	1	24.00	1.5	25.50
739	Lý Ngọc	Linh	TND014313	1	22.00	3.5	25.50
740	Bùi Thị	Nhớ	LNH006909	1	22.00	3.5	25.50
741	Nguyễn Ngọc	Tú	TND027531	1	22.00	3.5	25.50
742	Mào Thị	Duyên	TTB001294	1	22.00	3.5	25.50
743	Trần Thị Thu	Hà	THV003630	1	25.00	0.5	25.50
744	Quan Ngọc	Linh	TND014718	1	22.00	3.5	25.50
745	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005323	1	24.00	1.5	25.50
746	Giàng A	Dờ	TTB001102	1	22.00	3.5	25.50
747	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	TTB005214	1	24.00	1.5	25.50
748	Hoàng Văn	Tuấn	TQU006108	1	22.00	3.5	25.50
749	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	YTB006647	1	24.00	1.5	25.50
750	Lý Thị	Nường	TND019243	1	22.00	3.5	25.50
751	Đàm Thị Minh	Nguyệt	TND018334	1	22.00	3.5	25.50
752	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	KQH012829	1	25.00	0.5	25.50
753	Mai Thị	Trang	HDT026674	2	24.25	1.0	25.25
754	Dương Thị	Lương	TND015496	2	24.25	1.0	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	Ngô Xuân	Trường	HVN011476	2	24.25	1.0	25.25
756	Hà Thị	Hoa	LNH003408	2	21.75	3.5	25.25
757	Hà Văn	Long	HDT015212	2	21.75	3.5	25.25
758	Ma Hoài	Thương	TND025339	2	21.75	3.5	25.25
759	Phan Thị Khuyên	Giang	TDV007432	2	23.25	2.0	25.25
760	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000602	2	24.25	1.0	25.25
761	Lê Thị	Ngọc	HDT017949	2	24.75	0.5	25.25
762	Nguyễn Thị	Liên	HDT013667	2	24.25	1.0	25.25
763	Nguyễn Khánh	Huyền	TND011177	2	21.75	3.5	25.25
764	Thiều Thị	Trinh	HDT027451	2	24.75	0.5	25.25
765	Trần Thùy	Giang	HDT006459	2	24.25	1.0	25.25
766	Trần Thị ánh	Tuyết	DCN012864	2	24.25	1.0	25.25
767	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007419	2	21.75	3.5	25.25
768	Nguyễn Văn	Tuấn	TDV034886	2	21.75	3.5	25.25
769	Ma Thị	Huế	TND010086	2	21.75	3.5	25.25
770	Mai Đình	Thành	HDT022834	2	24.25	1.0	25.25
771	Nông Thị Mai	Chi	TND002289	1	21.75	3.5	25.25
772	Điêu Thị	Quỳnh	THV011039	1	21.75	3.5	25.25
773	Bùi Thị	Thắm	LNH008646	1	21.75	3.5	25.25
774	Hứa Thị	Tươi	TND028723	1	21.75	3.5	25.25
775	Nguyễn Thị Thu	Hoài	SPH006705	1	23.75	1.5	25.25
776	Phan Thị	Nga	HDT017490	1	23.75	1.5	25.25
777	Đỗ Thị	Linh	TND014063	1	23.75	1.5	25.25
778	Phạm Thị Thu	Thảo	TND023291	1	21.75	3.5	25.25
779	Trần Thị	Thơ	TDV029629	1	24.25	1.0	25.25
780	Cứ A	Chớ	TTB000672	1	21.75	3.5	25.25
781	Giàng A	Phong	TTB004767	1	21.75	3.5	25.25
782	Nguyễn Minh	Thương	TLA013559	1	24.25	1.0	25.25
783	Cấn Thị	Huyền	DCN004875	1	24.75	0.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Bùi Thị Phương	Thảo	LNH008421	1	21.75	3.5	25.25
785	Lương Trần Linh	Chi	TND002248	1	21.75	3.5	25.25
786	Ngân Thu	Huyền	TTB002818	1	21.75	3.5	25.25
787	Lèo Huyền	Trang	DCN011720	1	21.75	3.5	25.25
788	Bùi Thị Quỳnh	Hương	DCN005243	1	21.75	3.5	25.25
789	Vũ Hà	Nhi	KHA007504	1	24.75	0.5	25.25
790	Vũ Văn	Linh	KQH008144	1	24.75	0.5	25.25
791	Giàng A	Sênh	THV011312	2	21.50	3.5	25.00
792	Mai Thị	Thảo	HDT023246	2	24.00	1.0	25.00
793	Lê Thị	Huyền	HDT011361	2	21.50	3.5	25.00
794	Lê Thị	Dung	HDT003850	2	24.00	1.0	25.00
795	Trần Thị	Kiều	HDT013015	2	23.50	1.5	25.00
796	Vũ Thị Thu	Hoài	TND009223	2	23.50	1.5	25.00
797	Hoàng Thị	Vân	TND029059	2	21.50	3.5	25.00
798	Hoàng Thị Huyền	Trang	HDT026366	2	24.00	1.0	25.00
799	Trịnh Thị Lan	Tường	HDT029259	2	23.50	1.5	25.00
800	Vũ Thị Tuyết	Băng	TND001635	2	23.50	1.5	25.00
801	Nguyễn Thị Việt	Phương	THP011646	2	24.50	0.5	25.00
802	Trần Hồng	Hạnh	TTB001945	2	23.50	1.5	25.00
803	Lộc Thị	Lệ	TND013691	2	21.50	3.5	25.00
804	Cà Thị	Quyên	TTB005106	1	21.50	3.5	25.00
805	Lò Thị	Hương	TTB002956	1	21.50	3.5	25.00
806	Vũ Thị Hồng	Hạnh	TND007096	1	24.50	0.5	25.00
807	Nguyễn Thị Nhật	Huệ	TND010280	1	21.50	3.5	25.00
808	Lê Thị Thu	Thủy	HDT024911	1	24.00	1.0	25.00
809	Nông Thị	Hợp	TND009923	1	21.50	3.5	25.00
810	Giàng Thị	Cúc	TTB000864	1	21.50	3.5	25.00
811	Bùi Kim	Lũy	TLA008669	1	24.50	0.5	25.00
812	Hoàng Thị	Huệ	TND010181	1	21.50	3.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
813	Ngô Thị	Huyền	SPH007796	1	24.50	0.5	25.00
814	Nguyễn Thanh	Tùng	THP016190	1	24.50	0.5	25.00
815	Ngọc Khánh	Chung	TQU000561	1	21.50	3.5	25.00
816	Hoàng Minh	Ngọc	TND017928	1	21.50	3.5	25.00
817	Phạm Lan	Anh	HDT001361	1	24.00	1.0	25.00
818	Nguyễn Phương	Thảo	TLA012538	1	24.50	0.5	25.00
819	Phùng Thị	Mai	TND016070	1	21.50	3.5	25.00
820	Nguyễn Nhã	Đồng	TDV006478	2	23.75	1.0	24.75
821	Chu Khánh	Huyền	TND010989	2	21.25	3.5	24.75
822	Phạm Thị Hương	Giang	LNH002395	2	23.25	1.5	24.75
823	Bùi Thị	Dung	HDT003743	2	23.75	1.0	24.75
824	Phạm Hữu	Tuyền	THP016305	2	23.75	1.0	24.75
825	Nguyễn Thị	Liên	TQU003036	2	23.25	1.5	24.75
826	Doãn Thị	Tĩnh	TDV031596	2	23.25	1.5	24.75
827	Liêng Thị	Mai	THV008399	2	21.25	3.5	24.75
828	Phạm Thị	Hằng	TDV009352	2	23.75	1.0	24.75
829	Quách Xương	Trang	HDT027109	2	21.25	3.5	24.75
830	Nguyễn Thị	Loan	TQU003320	2	23.25	1.5	24.75
831	Nông Quốc	Cường	TND003259	2	21.25	3.5	24.75
832	Đình Minh	Đức	KQH003135	2	24.25	0.5	24.75
833	Nguyễn Thị	Hoài	HDT009611	2	23.75	1.0	24.75
834	Lý Thị	Hạnh	TND006945	2	21.25	3.5	24.75
835	Tăng Thị	Chang	THP001430	1	23.75	1.0	24.75
836	Trần Thị	Phượng	HHA011396	1	21.25	3.5	24.75
837	Nông Thị	Ngân	TND017616	1	21.25	3.5	24.75
838	Nông Thị Yến	Nhi	TND018706	1	21.25	3.5	24.75
839	Bùi Thị	Lợi	LNH005694	1	21.25	3.5	24.75
840	Phùng Thị Ngọc	ánh	THV000842	1	23.25	1.5	24.75
841	Phùng Thị	Phượng	TND020269	1	21.25	3.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
842	Đỗ Phương	Anh	TND000180	1	23.25	1.5	24.75
843	Hà Thị	Chinh	HDT002718	1	23.25	1.5	24.75
844	Nguyễn Thị	Hiền	SPH005915	1	23.75	1.0	24.75
845	Hà Văn	Thắm	HDT023531	1	21.25	3.5	24.75
846	Phan Thanh	Xuân	DCN013341	1	23.75	1.0	24.75
847	Phàn Mấy	Lẫy	DCN005972	1	21.25	3.5	24.75
848	Phan Lê Minh	Phượng	TDV024090	1	24.25	0.5	24.75
849	Nông Thị Lan	Anh	TND000937	1	21.25	3.5	24.75
850	Hoàng Thị	Dung	TND003690	1	21.25	3.5	24.75
851	Lý Thị	Thanh	TND022460	1	21.25	3.5	24.75
852	Nông Thị	Tình	TND025686	1	21.25	3.5	24.75
853	Hà Thanh	Huyền	TLA006252	1	23.75	1.0	24.75
854	Hoàng Thị	Lan	TND013263	1	21.25	3.5	24.75
855	Hà Thị	Nga	TND017303	1	21.25	3.5	24.75
856	Kiều Thu	Hiền	TLA004792	1	24.25	0.5	24.75
857	Từ Thị	Tuyến	TND028584	1	23.25	1.5	24.75
858	Hoàng Mạnh	Thưởng	THV013330	1	23.25	1.5	24.75
859	Trần Thị Phương	Linh	THV007788	3	21.00	3.5	24.50
860	Đoàn Thị Hồng	Ly	YTB013807	2	24.00	0.5	24.50
861	Trương Thị	Hoa	HDT009348	2	23.50	1.0	24.50
862	Nguyễn Thị	Thủy	TQU005470	2	23.00	1.5	24.50
863	Trương Thành	Đức	BKA003356	2	24.00	0.5	24.50
864	Nguyễn Mạnh	Cường	TND003195	2	24.00	0.5	24.50
865	Hà Thị	Phượng	TTB004860	2	21.00	3.5	24.50
866	Nguyễn Phương	Ly	TLA008796	2	24.50		24.50
867	Vũ Thị Yến	Chi	SPH002462	2	23.00	1.5	24.50
868	Trần Thị	Hiền	THP004893	2	23.50	1.0	24.50
869	Nguyễn Thị	Tuần	TQU006088	2	21.00	3.5	24.50
870	Phạm Thị Thuỳ	Linh	TDV017190	2	23.50	1.0	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
871	Đào Thị	Thúy	TND024976	2	23.00	1.5	24.50
872	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	TDV021203	2	23.00	1.5	24.50
873	Lò Thị	Lan	TTB003310	2	21.00	3.5	24.50
874	Nguyễn Thị	Hường	LNH004641	2	23.00	1.5	24.50
875	Trần Thị Huyền	Trang	TND026732	2	21.00	3.5	24.50
876	Chu Thị	Chiều	TND002443	2	21.00	3.5	24.50
877	Lương Thị	Linh	HDT014285	2	23.00	1.5	24.50
878	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	2	23.00	1.5	24.50
879	Nguyễn Thị	Thanh	HDT022629	2	22.50	2.0	24.50
880	Lò Thị	Thần	TTB006066	1	21.00	3.5	24.50
881	Hoàng Thị Thanh	Lam	TND013170	1	21.00	3.5	24.50
882	Lò Thị	Thanh	TTB005665	1	21.00	3.5	24.50
883	Trần Tú	Trình	SPK014572	1	23.00	1.5	24.50
884	Trần Thị	Hoài	HDT009635	1	21.00	3.5	24.50
885	Bùi Văn	Nghiệp	YTB015529	1	23.50	1.0	24.50
886	Hứa Hoàng	Vinh	TND029381	1	21.00	3.5	24.50
887	Nguyễn Thị	Thùy	TND024717	1	21.00	3.5	24.50
888	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	1	21.00	3.5	24.50
889	Nguyễn Thị	Phong	SPH013406	1	24.00	0.5	24.50
890	Nguyễn Thị	Hằng	SPH005644	1	23.50	1.0	24.50
891	Pờ Gia	Pố	TTB004995	1	21.00	3.5	24.50
892	Lê Thị Khánh	Linh	HDT014099	1	23.50	1.0	24.50
893	Triệu Ngọc	Chiến	TQU000481	1	21.00	3.5	24.50
894	Hoàng Kim	Phú	TND019597	1	21.00	3.5	24.50
895	Lý Thị	Ghến	THV003174	1	21.00	3.5	24.50
896	Đặng Mạnh	Hùng	TQU002264	1	23.00	1.5	24.50
897	Dương Phước	Sang	SPH014607	1	24.00	0.5	24.50
898	Đào Huyền	My	TND016779	1	24.00	0.5	24.50
899	Lường Thị	Huế	TTB002618	1	21.00	3.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
900	Đặng Thị Huyền	Trang	TQU005775	1	23.00	1.5	24.50
901	Đặng Hà	Dụng	TQU001033	1	21.00	3.5	24.50
902	Lộc Thị Lan	Anh	TND000445	1	21.00	3.5	24.50
903	Đào Thị	Thu	THP014025	1	23.50	1.0	24.50
904	Giàng Thị	Và	TND028973	1	21.00	3.5	24.50
905	Đào Thị	My	TND016909	1	21.00	3.5	24.50
906	Nguyễn Thị	Yến	TDV037020	1	23.50	1.0	24.50
907	Điêu Thị	Vân	TTB007425	1	21.00	3.5	24.50
908	Vi Thị	Hảo	TDV008884	1	21.00	3.5	24.50
909	Trần Thị	Nha	TND018488	2	20.75	3.5	24.25
910	Đinh Thị	Liên	LNH005113	2	20.75	3.5	24.25
911	Lê Thị	Giang	HDT006293	2	23.25	1.0	24.25
912	Nguyễn Thị Hồng	Trang	HHA014609	2	23.75	0.5	24.25
913	Bùi Thị	Trang	LNH009651	2	20.75	3.5	24.25
914	Bùi Thị	Duyên	TDV005217	2	23.25	1.0	24.25
915	Đỗ Thị	Thảo	THV012108	2	20.75	3.5	24.25
916	Phạm Thị	Bình	HDT002247	2	20.75	3.5	24.25
917	Lê Thị	Linh	SPH009611	2	23.75	0.5	24.25
918	Đỗ Thị	Uyên	KQH015940	2	23.75	0.5	24.25
919	Lưu Khánh	Linh	SPH009654	2	20.75	3.5	24.25
920	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007020	2	22.25	2.0	24.25
921	Hoàng Thị	Hạnh	HDT007478	2	23.25	1.0	24.25
922	Nguyễn Thị	Doanh	TND003593	1	22.75	1.5	24.25
923	Vũ Hương	Hà	TND006516	1	20.75	3.5	24.25
924	Ngũ Thị	Thảo	TQU005075	1	20.75	3.5	24.25
925	Phùng Thị	Hồng	SPH007055	1	23.25	1.0	24.25
926	Nguyễn Thị	Nhung	SPH013133	1	22.75	1.5	24.25
927	Đỗ Quân	Thái	SPH015176	1	23.75	0.5	24.25
928	Vũ Ngọc Quỳnh	Trang	BKA013696	1	24.25		24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
929	Ngọc Bích	Thảo	TND023059	1	20.75	3.5	24.25
930	Phạm Thị	Lan	HDT013272	1	22.75	1.5	24.25
931	Hoàng Phương	Thúy	TND024993	1	20.75	3.5	24.25
932	Long Thị	Vân	TND029083	1	20.75	3.5	24.25
933	Hoàng Thị Huyền	Chang	TND002064	1	20.75	3.5	24.25
934	Phạm Thị Huyền	Trang	YTB023005	1	23.75	0.5	24.25
935	Phạm Thị	Trình	THP015564	1	23.75	0.5	24.25
936	Châu Thị	Thuỷ	TQU005415	1	20.75	3.5	24.25
937	Vũ Thị Hoài	Linh	THV007829	1	22.75	1.5	24.25
938	Kha Thị	Linh	TDV016493	1	20.75	3.5	24.25
939	Đinh Thị	Thu	TQU005345	1	22.75	1.5	24.25
940	Bùi Thị Thu	Thảo	TLA012433	1	23.25	1.0	24.25
941	Nguyễn Văn	Tuấn	TQU006149	1	22.75	1.5	24.25
942	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DCN003740	1	23.75	0.5	24.25
943	Nguyễn Thị	Tám	YTB019074	1	23.25	1.0	24.25
944	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	THV007570	1	23.75	0.5	24.25
945	Nguyễn Thị	Ngát	HDT017591	1	23.25	1.0	24.25
946	Hoàng Thị	Hường	KQH006851	3	20.50	3.5	24.00
947	Phạm Thị	Hiền	HDT008582	2	22.50	1.5	24.00
948	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009235	2	23.00	1.0	24.00
949	Chu Thúy	Hiền	TQU001685	2	20.50	3.5	24.00
950	Bùi Thị Phương	Loan	LNH005532	2	20.50	3.5	24.00
951	Phùng Thị	Oanh	TND019393	2	20.50	3.5	24.00
952	Vũ Thị	Nữ	TND019228	2	22.50	1.5	24.00
953	Phạm Ngọc	Ngà	THP010082	2	23.50	0.5	24.00
954	Trần Thị Thủy	Tiên	TDV031339	2	23.00	1.0	24.00
955	Phạm Thị Khánh	Huyền	TQU002484	2	22.50	1.5	24.00
956	Trần Thu	Huyền	TQU002515	2	20.50	3.5	24.00
957	Ngô Văn	Chính	THP001673	2	23.00	1.0	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
958	Vũ Duy	Tiến	HHA014203	2	22.50	1.5	24.00
959	Ma Thị	Lan	TQU002923	2	20.50	3.5	24.00
960	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029685	2	23.00	1.0	24.00
961	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	TND007016	2	23.50	0.5	24.00
962	Nguyễn Thị	Nhung	TTB004592	2	22.50	1.5	24.00
963	Nguyễn Thu	Hà	HDT006891	1	23.00	1.0	24.00
964	Lò Văn	Mạnh	TTB003915	1	20.50	3.5	24.00
965	Hoàng Hồng	Thoa	TND024081	1	20.50	3.5	24.00
966	Trần Thị Hồng	Nhung	NLS008795	1	22.50	1.5	24.00
967	Nùng Thị Thanh	Huyền	THV005903	1	20.50	3.5	24.00
968	Hoàng Thị	Dung	HDT003801	1	23.00	1.0	24.00
969	Lò Văn	Thủy	TTB006374	1	20.50	3.5	24.00
970	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007012	1	23.50	0.5	24.00
971	Vừ Lao	Vàng	TTB007401	1	20.50	3.5	24.00
972	Nguyễn Thị	Thơm	TND024255	1	22.50	1.5	24.00
973	Vàng Thị	Cao	THV001139	1	20.50	3.5	24.00
974	Tần San	Mấy	THV008633	1	20.50	3.5	24.00
975	Vàng Thị	Dếnh	TTB001001	1	20.50	3.5	24.00
976	Hà Diệu	Hằng	TTB002003	1	20.50	3.5	24.00
977	Nông Thị Như	Quỳnh	THV011161	1	20.50	3.5	24.00
978	Vương Trịnh	Huấn	TND010011	1	20.50	3.5	24.00
979	Trần Hồng	Hạnh	HDT007612	1	23.50	0.5	24.00
980	Nguyễn Thị Lan	Anh	THV000460	1	22.50	1.5	24.00
981	Mã Thị Hương	Lan	TND013292	1	20.50	3.5	24.00
982	Hoàng Thị	Thắm	TND023427	1	20.50	3.5	24.00
983	Ngô Thị	Hà	HDT006762	1	22.50	1.5	24.00
984	Phạm Thị	Thu	THV012854	1	22.50	1.5	24.00
985	Vũ Thị	Mây	TND016358	1	22.50	1.5	24.00
986	Phạm Thị	Lý	HDT015892	1	22.50	1.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh			Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
987	Nguyễn Ngọc	ánh		DCN000815	1	20.50	3.5	24.00
988	Hoàng Thị	Quỳnh		HDT021007	1	20.50	3.5	24.00
989	Dương Thị	Thu		TQU005343	1	20.50	3.5	24.00
990	Lý Thị	Niệm		TND019129	1	20.50	3.5	24.00
991	Lương Thị	Thủy		TQU005461	1	20.50	3.5	24.00
992	Trần Thị Hải	Yến		SPH019900	1	22.50	1.5	24.00
993	Nguyễn Thị	Minh		THP009563	2	23.25	0.5	23.75
994	Ngô Thị	Hằng		TND007355	2	22.75	1.0	23.75
995	Nguyễn Hương	Ly		HHA008804	2	23.25	0.5	23.75
996	Dương Thị	Thanh		TND022393	2	22.75	1.0	23.75
997	Đặng Hồng	Gấm		LNH002301	2	22.25	1.5	23.75
998	Trần Thị	Tâm		TND022148	2	20.25	3.5	23.75
999	Nguyễn Thị Hồng	Yến		TDV036990	2	22.25	1.5	23.75
1000	Trần Hữu	Đức		TDV006981	2	23.25	0.5	23.75
1001	Nguyễn Thị	Mùi		TDV019535	2	22.25	1.5	23.75
1002	Nguyễn Thị	Huyền		TLA006348	2	22.75	1.0	23.75
1003	Vũ Thị Tú	Linh		TDV017454	2	22.75	1.0	23.75
1004	Nguyễn Thị	ánh		LNH000670	2	23.25	0.5	23.75
1005	Chu Thị	Hồng		TND009691	2	20.25	3.5	23.75
1006	Nguyễn Ngọc	ánh		THV000805	2	22.25	1.5	23.75
1007	Nguyễn Thị	Trang		LNH009851	2	23.25	0.5	23.75
1008	Lê Đình	Tuấn		HDT028213	2	22.75	1.0	23.75
1009	Hoàng Thị	Mai		TDV018620	2	22.75	1.0	23.75
1010	Phạm Thị Hồng	ánh		THV000840	1	22.25	1.5	23.75
1011	Nguyễn Ngọc	ánh		SPH001785	1	22.25	1.5	23.75
1012	Nguyễn Thanh	Nhàn		TQU004033	1	22.25	1.5	23.75
1013	Nguyễn Thị Bích	Hiền		HVN003399	1	23.25	0.5	23.75
1014	Lê Thị	Thắm		TND023438	1	20.25	3.5	23.75
1015	Linh Văn	Phong		TND019536	1	20.25	3.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1016	Lò Văn	Chuồng	TTB000807	1	20.25	3.5	23.75
1017	Quảng Văn	Kẻo	TTB003029	1	20.25	3.5	23.75
1018	Triệu Thị	Tấn	TND022238	1	20.25	3.5	23.75
1019	Lương Thị	Phượng	TDV023878	1	22.75	1.0	23.75
1020	Nguyễn Mỹ	Linh	THV007540	1	23.25	0.5	23.75
1021	Mai Thị	Oanh	HDT019239	1	20.25	3.5	23.75
1022	Nông Thị	Thơm	TND024271	1	20.25	3.5	23.75
1023	Dương Thị	Sâm	HDT021448	1	22.75	1.0	23.75
1024	Nguyễn Lan	Anh	KQH000363	1	22.25	1.5	23.75
1025	Nguyễn Thị	Nguyệt	TDV021707	1	22.25	1.5	23.75
1026	Hoàng Văn	Kiểm	TTB003199	1	20.25	3.5	23.75
1027	Trương Thị	Nhung	TND019052	1	22.25	1.5	23.75
1028	Vũ Thị Minh	Hòa	LNH003555	1	22.25	1.5	23.75
1029	Nguyễn Thị	Mai	TQU003519	1	22.25	1.5	23.75
1030	Bùi Thị	Mừng	HHA009361	1	22.25	1.5	23.75
1031	Ma Việt	Hoàng	TND009457	1	20.25	3.5	23.75
1032	Nguyễn Bùi Thu	Hiền	KQH004538	1	20.25	3.5	23.75
1033	Đỗ Văn	Thiện	SPH016094	1	23.25	0.5	23.75
1034	Nguyễn Hữu	Phước	KHA007875	1	22.75	1.0	23.75
1035	Tô Thị	Hường	TND012241	2	20.00	3.5	23.50
1036	Nguyễn Thanh	Bình	TTB000419	2	22.00	1.5	23.50
1037	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011511	2	22.00	1.5	23.50
1038	Nông Văn	Quân	TND020573	2	20.00	3.5	23.50
1039	Nguyễn Thị	Ngọc	HHA010156	2	23.00	0.5	23.50
1040	Bùi Thị	Thùy	HDT024756	2	22.50	1.0	23.50
1041	Nguyễn Thị	Thoan	TDV029460	2	22.50	1.0	23.50
1042	Nguyễn Thị	Trâm	YTB023250	2	22.50	1.0	23.50
1043	Hoàng Thị	Gió	TQU001378	2	20.00	3.5	23.50
1044	Nguyễn Thị Lan	Anh	HDT001069	2	22.50	1.0	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1045	Trần Đức	Dũng	HDT004396	2	22.50	1.0	23.50
1046	Trần Ngọc	ánh	THV000852	2	22.00	1.5	23.50
1047	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007942	2	22.50	1.0	23.50
1048	Vì Phương	Thảo	TDV028494	2	20.00	3.5	23.50
1049	Hà Thị Thu	Trang	THV013695	2	20.00	3.5	23.50
1050	Quàng Thị	Phương	TTB004924	2	20.00	3.5	23.50
1051	Chu Thị Bích	Loan	TND014918	1	20.00	3.5	23.50
1052	Sống A	Quả	TTB005002	1	20.00	3.5	23.50
1053	Đàm Thị Thanh	Duyên	TND004283	1	20.00	3.5	23.50
1054	Quàng Thị	Hỏa	TTB002400	1	20.00	3.5	23.50
1055	Bế Thị	Huyền	TND010967	1	20.00	3.5	23.50
1056	Vũ Thị Thùy	Linh	YTB013198	1	22.50	1.0	23.50
1057	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	1	20.00	3.5	23.50
1058	Nguyễn Thị	Hiền	TDV009941	1	23.00	0.5	23.50
1059	Lê Thị	Tâm	SPH015067	1	22.00	1.5	23.50
1060	Đỗ Thị	Hồng	YTB008940	1	22.50	1.0	23.50
1061	Hoàng Thị	Hồng	HDT010055	1	22.50	1.0	23.50
1062	Đinh Thị Thu	Huyền	TQU002401	1	22.00	1.5	23.50
1063	Đặng Mai	Huyền	HHA006245	1	23.00	0.5	23.50
1064	Bùi Anh	Tuấn	LNH010243	1	20.00	3.5	23.50
1065	Hoàng Thị	Huế	TND010051	1	20.00	3.5	23.50
1066	Ma Thị	Thảo	TQU005070	1	20.00	3.5	23.50
1067	Nguyễn Thị Lan	Chi	TND002281	1	20.00	3.5	23.50
1068	Sĩ Thị Thanh	Thúy	HVN010450	1	22.50	1.0	23.50
1069	Sùng A	Vảng	TTB007405	1	20.00	3.5	23.50
1070	Lê Thị	Khánh	HDT012671	2	22.25	1.0	23.25
1071	Lục Thị ánh	Đào	HDT005131	2	19.75	3.5	23.25
1072	Nguyễn Hải	Nam	HHA009549	2	22.25	1.0	23.25
1073	Lò Thị	Thánh	TTB005812	2	19.75	3.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1074	Hoàng Thị	Mến	THV008642	2	21.75	1.5	23.25
1075	Quách Thị	Châm	LNH000911	2	19.75	3.5	23.25
1076	Đỗ Trung	Hiếu	YTB007859	2	22.25	1.0	23.25
1077	Phàn Mùi	Mấy	TQU003577	2	19.75	3.5	23.25
1078	Trần Thị	Nga	THP010043	2	22.25	1.0	23.25
1079	Hồ A	Lênh	THV007142	2	19.75	3.5	23.25
1080	Nguyễn Thị	Hợp	TDV012355	2	21.75	1.5	23.25
1081	Nguyễn Thị	ánh	TDV001787	2	21.75	1.5	23.25
1082	Nguyễn Hồng	Sơn	TDV026249	2	21.75	1.5	23.25
1083	Nguyễn Tuấn	Anh	LNH000478	2	19.75	3.5	23.25
1084	Nguyễn Thị	Lan	TQU002928	2	21.75	1.5	23.25
1085	Hoàng Hồng	Hạnh	KQH003939	2	19.75	3.5	23.25
1086	Trần Thị	Nhàn	SPH012889	1	21.75	1.5	23.25
1087	Hoàng Thị	Trang	TND026192	1	19.75	3.5	23.25
1088	Hà Thị Linh	Chi	HDT002506	1	22.25	1.0	23.25
1089	Mã Thị Hoài	Anh	TND000544	1	19.75	3.5	23.25
1090	Đặng Thị	Lan	HDT013138	1	22.25	1.0	23.25
1091	Vũ Thị Huyền	Trang	TLA014338	1	22.25	1.0	23.25
1092	Giàng A	Dơ	THV001993	1	19.75	3.5	23.25
1093	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	HDT014558	1	22.75	0.5	23.25
1094	Phạm Thị	Lam	HDT013083	1	21.75	1.5	23.25
1095	Phan Thị	Tình	TND025687	1	19.75	3.5	23.25
1096	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000588	1	22.25	1.0	23.25
1097	Trần Quốc	Huân	TQU002169	1	19.75	3.5	23.25
1098	Lê Thị Lệ	Quyến	TND020902	1	21.75	1.5	23.25
1099	Phan Thị	Hằng	DCN003503	1	22.75	0.5	23.25
1100	Ngô Phương	Đông	YTB005139	1	22.25	1.0	23.25
1101	Nguyễn Văn	Huỳnh	THP006769	1	22.25	1.0	23.25
1102	Ngô Thị Thu	Thảo	KQH012602	1	22.75	0.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1103	Vũ Minh	Tú	TND027617	1	21.75	1.5	23.25
1104	Vũ Thị	Vân	SPH019334	1	22.25	1.0	23.25
1105	Nguyễn Thị	Hiền	THV004312	1	21.75	1.5	23.25
1106	Ma Xuân	Thành	TQU004988	1	19.75	3.5	23.25
1107	Phạm Thị	Trang	THV013962	3	21.50	1.5	23.00
1108	Trần Thương	Thương	THV013317	2	19.50	3.5	23.00
1109	Nguyễn Thị	Thanh	THV011888	2	21.50	1.5	23.00
1110	Hồ Sỹ	Vượng	TDV036515	2	22.00	1.0	23.00
1111	Nông Thị Mĩ	Lan	TND013373	2	19.50	3.5	23.00
1112	Lò Thị	Chung	TTB000738	2	19.50	3.5	23.00
1113	Vi Thị	Phượng	TND020125	2	19.50	3.5	23.00
1114	Hồ Thị	Yến	TDV036873	2	22.00	1.0	23.00
1115	Lý Thị Mỹ	Lệ	TND013703	2	19.50	3.5	23.00
1116	Bùi Thùy	Ninh	HHA010694	1	22.50	0.5	23.00
1117	Bùi Văn	Bằng	HDT002039	1	19.50	3.5	23.00
1118	Vàng A	Lớ	TTB003711	1	19.50	3.5	23.00
1119	Nguyễn Thị Thu	Huyền	TLA006382	1	22.00	1.0	23.00
1120	Lành Thúy	Ngân	TND017559	1	19.50	3.5	23.00
1121	Lường Thị	Dương	TTB001351	1	19.50	3.5	23.00
1122	Lầu A	Hồng	TTB002567	1	19.50	3.5	23.00
1123	Vũ Thị	Lý	HDT015908	1	22.00	1.0	23.00
1124	Nguyễn Minh	Chuyên	THV001555	1	21.50	1.5	23.00
1125	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	TTB005207	1	21.50	1.5	23.00
1126	Nguyễn Lê Kiều	My	TDV019581	1	22.50	0.5	23.00
1127	Mè Thị Thu	Hạnh	TTB001932	1	19.50	3.5	23.00
1128	Nông Thùy	Linh	TND014648	1	19.50	3.5	23.00
1129	Đặng Văn	Anh	TND000277	1	21.50	1.5	23.00
1130	Đinh Thị	Vường	DCN013278	1	19.50	3.5	23.00
1131	Vũ Thị	Thu	TDV029960	1	22.00	1.0	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1132	Trịnh Thị	Hoa	TND008866	1	19.50	3.5	23.00
1133	Lê Thị	Nhị	HDT018604	1	22.00	1.0	23.00
1134	Vũ Thị Hiền	Hòa	YTB008467	1	22.00	1.0	23.00
1135	Trần Thị	Dịu	TLA002418	1	22.00	1.0	23.00
1136	Nguyễn Thị	Hợp	KQH005615	1	22.50	0.5	23.00
1137	La Phương	Thắm	TND023432	2	19.25	3.5	22.75
1138	Nguyễn Thanh	Tuấn	TND027906	2	19.25	3.5	22.75
1139	Bùi Thị	Hà	HDT006522	2	19.25	3.5	22.75
1140	Bùi Thị	Quỳnh	HDT020940	2	21.75	1.0	22.75
1141	Lù Ti	Hình	THV004692	2	19.25	3.5	22.75
1142	Hà Kiều	Ly	THV008266	2	19.25	3.5	22.75
1143	Nông Thị Hồng	Thắm	TND023461	2	19.25	3.5	22.75
1144	Phạm Văn	Long	YTB013481	2	21.75	1.0	22.75
1145	Triệu Văn	Kiểm	TTN008874	2	19.25	3.5	22.75
1146	Trần Thị	Hậu	SPH005825	2	19.25	3.5	22.75
1147	Đinh Thị Kim	Xuyến	TND029851	1	19.25	3.5	22.75
1148	Nguyễn Thị	Linh	TND014493	1	19.25	3.5	22.75
1149	Nguyễn Thị	Chang	TTB000488	1	21.25	1.5	22.75
1150	Ngôn Nguyệt	ánh	TND001341	1	19.25	3.5	22.75
1151	Doãn Thị Lâm	Phương	TDV023739	1	21.25	1.5	22.75
1152	Hoàng Văn	Sang	TND021309	1	19.25	3.5	22.75
1153	Nguyễn Thị Bích	Phượng	THV010635	1	21.25	1.5	22.75
1154	Tần Xoang	Lồng	THV008077	1	19.25	3.5	22.75
1155	Trần Thị Thùy	Dương	HDT004993	1	21.75	1.0	22.75
1156	Phạm Thị	Hòa	HDT009495	1	21.25	1.5	22.75
1157	Chu Thị Lan	Hương	TND011680	1	21.25	1.5	22.75
1158	Nguyễn Thị	Loan	TQU003318	1	19.25	3.5	22.75
1159	Lê Thị Minh	Hiếu	SPH006258	1	21.25	1.5	22.75
1160	Trần Văn	Tuấn	TND028031	1	19.25	3.5	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1161	Nguyễn Bá	Huỳnh	TND011482	1	19.25	3.5	22.75
1162	Quách Thị	Oanh	TLA010689	1	22.25	0.5	22.75
1163	Phan Ngọc	Tiến	SPH017047	1	22.75		22.75
1164	Nông Đức	Hoàng	TQU002085	1	19.25	3.5	22.75
1165	Hoàng Văn	Nhật	YTB016209	1	21.75	1.0	22.75
1166	Hoàng Thị	Ước	HDT029397	2	21.00	1.5	22.50
1167	Đỗ Thị	Huyền	THP006441	2	21.50	1.0	22.50
1168	Phạm Thị	Lan	HVN005564	2	21.50	1.0	22.50
1169	Sùng A	Ná	TTB004102	2	19.00	3.5	22.50
1170	Phan Kim	Hoàn	THV004952	1	21.00	1.5	22.50
1171	Lương Thị	Phường	TND020146	1	19.00	3.5	22.50
1172	Vũ Thị	Thu	BKA012568	1	21.50	1.0	22.50
1173	Nông Thị Bích	Thảo	TND023242	1	19.00	3.5	22.50
1174	Trần Thị Hồng	Phúc	TDV023639	1	21.50	1.0	22.50
1175	Giàng Thị	Che	TTB000535	1	19.00	3.5	22.50
1176	Vương Thị	Lan	TQU002948	1	19.00	3.5	22.50
1177	Phạm Thị Tâm	Trang	HDT027044	2	21.75	0.5	22.25
1178	Trần Thị Như	Quỳnh	TDV025653	2	21.25	1.0	22.25
1179	Vũ Thị Thu	Hương	TTN008375	1	20.75	1.5	22.25
1180	Đỗ Thị Thu	Hà	KHA002730	1	22.25		22.25
1181	Nguyễn Thị	Nga	TDV020522	1	21.25	1.0	22.25
1182	Nông Thị	Huyền	TQU002400	1	18.75	3.5	22.25
1183	Trương Thị	Vân	TLA015511	1	21.25	1.0	22.25
1184	Đinh Thị Nhật	Lệ	KHA005420	1	21.25	1.0	22.25
1185	Bùi Thị	Lụa	LNH005706	1	18.75	3.5	22.25
1186	Giàng Thị	Mây	TTB003961	1	18.75	3.5	22.25
1187	Dào Thu	Hương	TND011684	1	18.75	3.5	22.25
1188	Triệu Thị	Oanh	HDT019308	1	18.75	3.5	22.25
1189	Triệu Thị Thu	Trang	TND026717	1	18.75	3.5	22.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1190	Nguyễn Thiện	Trường	SPH018247	1	21.75	0.5	22.25
1191	Nguyễn Linh	Lộc	TND015222	1	20.75	1.5	22.25
1192	Trương Thị	Xinh	HDT030143	1	18.75	3.5	22.25
1193	Phàn A	ỏn	THV010150	1	18.75	3.5	22.25
1194	Dương Thị	Bình	TDV002454	1	20.75	1.5	22.25
1195	Nguyễn Thị	Trang	TDV032806	1	21.75	0.5	22.25
1196	Khổng Thị	Thơ	SPH016235	1	21.25	1.0	22.25
1197	Nguyễn Anh	Tiến	TND025564	1	20.75	1.5	22.25
1198	Hoàng Thị	Lưỡng	TQU003434	1	18.75	3.5	22.25
1199	Sùng Seo	Vảng	THV015071	1	18.75	3.5	22.25
1200	Triệu Đức	Hương	TND012030	1	18.75	3.5	22.25
1201	Nông Thảo	Lam	TND013196	1	18.75	3.5	22.25
1202	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	LNH003170	1	21.75	0.5	22.25
1203	Lý Bảo	Duy	TND004172	2	18.50	3.5	22.00
1204	Nguyễn Thị	Ngân	YTB015395	2	21.00	1.0	22.00
1205	Lưu Thị	Thoa	TND024098	2	18.50	3.5	22.00
1206	Lê Hồng	Sơn	KQH011840	2	21.50	0.5	22.00
1207	Đinh Thị	Hương	TND011720	2	20.50	1.5	22.00
1208	Hà Thị	Hằng	THV004010	1	20.50	1.5	22.00
1209	Vũ Thị Anh	Đào	DCN002239	1	21.00	1.0	22.00
1210	Phan Thành	Nghệ	KQH009725	1	21.50	0.5	22.00
1211	Nguyễn Đức	Doanh	TND003591	1	18.50	3.5	22.00
1212	Ma Hải	Giang	TND005870	1	18.50	3.5	22.00
1213	Hoàng Thị	Oanh	TND019306	1	20.50	1.5	22.00
1214	Lê Nữ Thùy	Linh	DHU011077	1	21.00	1.0	22.00
1215	Phạm Thị	Linh	TDV017172	1	21.00	1.0	22.00
1216	Lê Việt	Hoàng	TLA005555	1	22.00		22.00
1217	Bùi Phương	Yên	HDT030273	1	18.50	3.5	22.00
1218	Lê Thị Thuỳ	Linh	KQH007818	1	21.50	0.5	22.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1219	Diệp Thành	Hạnh	TND006863	1	18.50	3.5	22.00
1220	Hà Duy	Khánh	LNH004763	1	18.50	3.5	22.00
1221	Hà Thị	Trà	TND025944	1	18.50	3.5	22.00
1222	Trần Thị Thảo	Nguyên	TND018282	1	20.50	1.5	22.00
1223	Lường Thị	Xuân	TTB007629	1	18.50	3.5	22.00
1224	Lê Thị Kiều	Oanh	HDT019209	1	18.50	3.5	22.00
1225	Hoàng Thị	Thiệp	TND023910	1	18.50	3.5	22.00
1226	Lê Thị Mỹ	Linh	TLA007817	1	21.00	1.0	22.00
1227	Lương Minh	Phụng	HDT019590	1	18.50	3.5	22.00
1228	Đặng Hiền	Lương	KHA006255	1	21.00	1.0	22.00
1229	Nguyễn Diệu	Linh	SPH009707	1	22.00		22.00
1230	Bùi Ngọc	Huyền	LNH004127	1	18.50	3.5	22.00
1231	Hà Thị	Nhiên	TQU004074	2	20.25	1.5	21.75
1232	Nguyễn Thị	Thảo	THP013415	1	20.75	1.0	21.75
1233	Đặng Mùi	Mui	TND016739	1	18.25	3.5	21.75
1234	Lìm Thị	Luyến	THV008152	1	18.25	3.5	21.75
1235	Nguyễn Thanh	Tâm	TND022112	1	18.25	3.5	21.75
1236	Trần Thị	Luyến	TQU003413	1	18.25	3.5	21.75
1237	Từ Thị	Tuyến	TND028583	1	18.25	3.5	21.75
1238	Ngô Văn	Thuận	TND024534	1	18.25	3.5	21.75
1239	Trần Thị Hồng	Chinh	DCN001295	1	19.25	2.5	21.75
1240	Phạm Viết	Khởi	THP007553	1	21.25	0.5	21.75
1241	Lê Thị	Trang	TLA013996	2	20.50	1.0	21.50
1242	Nguyễn Thị Hồng	Nga	TND017359	2	18.00	3.5	21.50
1243	Nguyễn Thị	Lan	TDV015628	2	20.00	1.5	21.50
1244	Trịnh Thị Vân	Anh	HDT001630	1	20.00	1.5	21.50
1245	Triệu Thị	Huyền	TQU002506	1	18.00	3.5	21.50
1246	Chu Thị	Nhung	TND018767	1	18.00	3.5	21.50
1247	Nguyễn Đình	Chiều	TTB000609	1	20.00	1.5	21.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1248	Khoàng Thị	Tuyết	TTB007298	1	18.00	3.5	21.50
1249	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017612	1	20.50	1.0	21.50
1250	Trần Quốc	Khoa	TDV015108	1	20.00	1.5	21.50
1251	Vàng Thị	Chăm	THV001185	1	18.00	3.5	21.50
1252	Triệu Thị Thu	Hà	TQU001448	1	20.00	1.5	21.50
1253	Hoàng Phương	Bắc	TTB000353	1	18.00	3.5	21.50
1254	Đỗ Minh	Sỹ	TQU004831	1	18.00	3.5	21.50
1255	Nguyễn Thị	Hường	KQH006891	1	21.00	0.5	21.50
1256	Ngô Văn	Tĩnh	THV013504	1	18.00	3.5	21.50
1257	Nguyễn Thị	Tuyết	HDT029103	1	18.00	3.5	21.50
1258	Đỗ Thùy	Dương	HDT004765	2	19.75	1.5	21.25
1259	Đinh Kiều	Anh	TND000234	2	17.75	3.5	21.25
1260	Vũ Văn	Tĩnh	HHA014243	2	20.75	0.5	21.25
1261	Bế Ngọc	Hải	TND006560	2	17.75	3.5	21.25
1262	Phan Thị Thanh	Nhàn	TDV021838	1	20.75	0.5	21.25
1263	Trần Thị	Huyền	HDT011658	1	20.25	1.0	21.25
1264	Vi Thị	Thao	TND022768	1	17.75	3.5	21.25
1265	Nông Thị	Nhung	TND018993	1	17.75	3.5	21.25
1266	Phạm Anh	Tuấn	TND027979	1	20.25	1.0	21.25
1267	Nguyễn Thị	Mai	LNH005950	1	20.75	0.5	21.25
1268	Lê Văn	Đức	HDT005906	1	20.25	1.0	21.25
1269	Lê Mạnh	Cường	SPH002799	1	21.25		21.25
1270	Vũ Thị	Thanh	THP013104	1	20.75	0.5	21.25
1271	Giàng A	Minh	TTB003997	1	17.50	3.5	21.00
1272	Phạm Thị	Bến	HDT002070	1	19.50	1.5	21.00
1273	Giàng A	Cu	TTB000851	1	17.50	3.5	21.00
1274	Lê Thị Thu	Thảo	TTB005864	1	19.50	1.5	21.00
1275	Hoàng Thị	Hoàn	TND009279	1	17.50	3.5	21.00
1276	Hoàng Thị Kim	Uyên	TQU006362	1	17.50	3.5	21.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1277	Nông Thị Thu	Trà	TND025976	1	17.50	3.5	21.00
1278	Phương Thị	Xanh	TND029725	1	17.50	3.5	21.00
1279	Tô Lan	Hương	THV006312	1	19.50	1.5	21.00
1280	Lò Thị	Thuận	TTB006312	1	17.50	3.5	21.00
1281	Lò Thị	Hoài	TTB002407	1	17.50	3.5	21.00
1282	Vũ Thành	Duy	TND004268	2	19.25	1.5	20.75
1283	Trần Đăng	Sỹ	YTB018898	2	19.75	1.0	20.75
1284	Lê Thị	Huyền	YTB009944	1	19.75	1.0	20.75
1285	Lê Thị	Sơn	HDT021668	1	19.25	1.5	20.75
1286	Nguyễn Thị	Thảo	NLS011419	1	19.25	1.5	20.75
1287	Dương Thị	Cúc	TQU000628	1	17.25	3.5	20.75
1288	Nguyễn Đức	Tú	DCN012387	1	20.25	0.5	20.75
1289	Nguyễn Thị Hoa	Mai	THV008419	2	19.00	1.5	20.50
1290	Trần Thị Bích	Phượng	BKA010628	2	20.00	0.5	20.50
1291	Vi Thị	Hiền	TQU001751	1	19.00	1.5	20.50
1292	Sùng A	Tá	TTB005495	1	17.00	3.5	20.50
1293	Nông Thành	Vinh	THV015293	1	17.00	3.5	20.50
1294	Hà Thị	Linh	TQU003099	1	17.00	3.5	20.50
1295	Thân Thị Diệu	Linh	TND014731	1	18.75	1.5	20.25
1296	Đình Thị Hồng	Thanh	HHA012419	1	19.75	0.5	20.25
1297	Nguyễn Kiều	Anh	TDV000800	1	19.25	1.0	20.25
1298	Hà Thị	Huyền	TND011064	1	16.50	3.5	20.00
1299	Thào A	Tăng	TTB005526	1	16.50	3.5	20.00
1300	Lục Thị Quỳnh	Ngọc	TND017957	1	16.50	3.5	20.00
1301	Nguyễn Thị	Nga	TQU003794	1	16.50	3.5	20.00
1302	Giàng Thị	Dinh	THV001961	1	16.50	3.5	20.00
1303	Nguyễn Thị	Mai	TND016007	1	18.50	1.5	20.00
1304	Nguyễn Đình	Hải	TND006673	1	16.25	3.5	19.75
1305	Bàn Thị	Dung	TND003637	1	16.25	3.5	19.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1306	Nguyễn Quang	Sơn	TTB005416	1	18.00	1.5	19.50
1307	Hoàng Thị	Mây	TQU003574	1	16.00	3.5	19.50
1308	Phan Thanh	Lịch	TND013784	1	16.00	3.5	19.50
1309	Hoàng Quốc	Việt	YTB025121	1	18.50	1.0	19.50
1310	Nguyễn Ngọc	Cân	KQH001191	1	18.50	1.0	19.50
1311	Triệu Thị	Hạnh	TND007069	1	15.75	3.5	19.25
1312	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008759	1	17.75	1.5	19.25
1313	Nguyễn Thị	Sen	DHU019430	1	18.25	1.0	19.25
1314	Bàn Văn	Dũng	TTB001186	1	15.50	3.5	19.00
1315	Ksor Y	Sơn	NLS010470	1	15.50	3.5	19.00
1316	Tạ Đức	An	TND000078	1	17.50	1.5	19.00
1317	Bùi Xuân	Thức	TDV030887	1	17.50	1.5	19.00
1318	Mùa A	Cầu	TTB000470	1	15.50	3.5	19.00
1319	Cà Thị	Hoa	TTB002291	1	15.50	3.5	19.00
1320	Vàng Ngọc	Cương	THV001721	1	15.50	3.5	19.00
1321	Đinh Thị Thu	Thảo	THV012126	1	17.50	1.5	19.00
1322	Nguyễn Thị	Trang	THV013904	1	17.25	1.5	18.75
1323	Lục Thị	Tâm	TND022059	1	15.25	3.5	18.75
1324	Nguyễn Thị Hoài	Thu	TDV029849	4	18.00	0.5	18.50
1325	Trương Đức	Quý	LNH007630	2	15.00	3.5	18.50
1326	Phạm Thị	Thanh	THP013075	1	18.00	0.5	18.50
1327	Lò Minh	Tiến	TTB006573	1	15.00	3.5	18.50
1328	Sùng A	Chô	THV001465	1	15.00	3.5	18.50
1329	Phạm Ngọc	Hoa	TQU001935	1	17.00	1.5	18.50
1330	Nguyễn Lâm	Anh	TND000654	1	16.75	1.5	18.25
1331	Vũ Thị	Huyền	YTB010311	1	17.00	1.0	18.00
1332	Vũ Ngọc	Tuấn	SPH018705	1	17.50	0.5	18.00
1333	Trần Thị Minh	Nguyệt	TTN013012	1	16.50	1.5	18.00
1334	Lê Trung	Kiên	THV006740	1	15.50	2.5	18.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 19/08/2015

Trang 47

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1335	Phạm Thị	Hằng	HHA004422	1	17.25	0.5	17.75
1336	Nguyễn Việt	Tiến	KQH014099	1	17.00	0.5	17.50
1337	Khổng Thị	Yến	HHA016534	1	16.75	0.5	17.25
1338	Ngô Thế	Quỳnh	SPH014503	1	16.25	0.5	16.75
1339	Lưu Khánh	Huyền	TQU002442	1	15.25	1.5	16.75
1340	Cao Thị	Hoàn	HDT009682	1	15.00	1.5	16.50
1341	Hoàng Thanh	Tài	TTB005499	1	15.00	1.5	16.50
1342	Bùi Thị	Hằng	YTB006871	2	15.00	1.0	16.00
1343	Lê Hồng	Sơn	LNH007926	2	15.00	0.5	15.50
1344	Đinh Thị	Ngọc	HDT017887	1	14.50	1.0	15.50
1345	Hoàng Tiến	Dũng	THV002193	1	11.75	3.5	15.25
1346	Lò Văn	Thanh	TTB005679	1	11.50	3.5	15.00
1347	Triệu Trung	Vĩnh	TND029463	1	11.50	3.5	15.00
1348	Nguyễn Hà	Trang	TTB006777	1	13.50	1.5	15.00

Hà Nội, ngày 19 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU